

Năm thứ hai. - Số 80

Thứ tư,

7 Janvier 1942

triatan

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

知 新 雜 誌

TRONG SỐ NÀY :

Những truyền-thuyết đời thượng-cổ

của nước ta

Đào-dag-Anh

Những ông nghề triều Lê (VI)

Nguyễn-văn-Tổ

Tài-liệu để đính-chính những bài

văn cổ (XI)

Ứng-Hoè

Sự thực về ông nghề Tân

Tiến-Đàn

Giặc Ngô-Côn

Toan-Anh

Đâu phải là sự mới phát-kiến của

vài ông ấy,

Đỗ-Giang

Thuộc-quốc Anh tại Úc-châu

Nhật-Nham

Phê-bình « Người bạn gái »

Lê-Thanh

Để giúp những đệ-tử thần « khỏe »... Phan-kỳ-Nông

Lý Chiêu-hoàng (III)

Phan-khắc-Khoan

Thoát cung vua Mạc (VI)

Chu-Thiên

Việt-Nam văn-học sử (XVII)

Hoa-Bằng

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE

195 RUE DU COTON 195

HANOI

GÍA BÁO:

mỗi số
15 xu

1 năm 6\$80

6 tháng 3.50

3 tháng 1.80

Những truyền thuyết đời thượng cổ của nước ta

ĐÀO DUY-ANH

THEO truyền-thuyết thì nhà vua đầu tiên của nước ta là họ Hồng-bàng, sáng nghiệp từ năm 2879 trước tây nguyên.

Nguyên cháu ba đời vua Thần-nông nước Trung-hoa là Đế-Minh, sinh được con trai là Đế-Nghi rồi đi tuần thú xuống phương Nam. Đến miền Ngũ-lĩnh, Đế-Minh gặp một cô tiên, lấy làm vợ và sinh được một người con trai đặt tên là Lộc-Tục. Đế-Minh thấy Lộc-Tục thánh, trí, thông-minh, nên yêu-chuộng lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc-Tục không chịu. Sau Đế-Minh truyền cho Đế-Nghi làm vua ở phương Bắc và Lộc-Tục làm vua ở nước Xích-quỉ, ở phương Nam, hiệu là Kinh-dương-vương.

Một hôm, Lộc-tục gặp một người con gái chăn dê tự xưng là con gái vua hồ Động-dinh là Thần-long, lấy làm vợ và sinh được một con trai đặt tên là Lạc-long-quân.

Lạc-long-quân lấy Âu-Cơ, là con gái Đế-Lai, con trai của Đế-Nghi. Âu-Cơ sinh được 100 cái trứng nở thành một trăm người con trai. Một hôm Lạc-long-quân nói với Âu-cơ rằng: « Ta là giống rồng mà nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, không thể ở cùng nhau được. » Hai người bèn chia con, 50 người theo mẹ lên miền núi, 50 người theo cha xuống miền biển. Người con trưởng theo Long-quân được nối ngôi vua, đặt tên nước là Văn-lang. Đông giáp biển, Tây giáp đất Ba-thục, Bắc đến hồ

Động-dinh, Nam đến nước Hồ-tôn tức là nước Chiêm-thành ngày nay.

Đó là chuyện nòi-giống Tiên Rồng của người Việt-nam vậy.

Xét truyền-thuyết ấy, ta có thể nhận thấy ngay tính-chất hoang đường của nó ở những chỗ gặp Tiên-nữ, gặp Long-nữ, cùng đẻ trứng. Ta càng xét kỹ, ta càng thấy nó là hoang đường, vì cháu vua Thần-nông, — chưa kể Thần-nông là nhân vật thần thoại, — (1) không thể nào đi tuần thú ở miền Ngũ-lĩnh là miền đến đời Tần mới thuộc vào bản-bộ nước Trung-hoa, vì nước Văn-lang không thể gồm cả nửa phía Nam Trung-quốc và nửa phía Bắc Việt-nam ngày nay theo như giới hạn kể trên.

Cái tên Hồng-bàng cũng đã không phải là một tên thiệt. Hồng bàng 鴻龐, cũng như hồng mông 鴻蒙 (Trang-tử), hay 鴻濛 (Hoài-nam tử), hay là bàng hồng 龐鴻 (Trương-Hành), nghĩa là nguyên-khí chưa chia, trạng thái lộn-xộn mù-mịt buổi đầu. Xét nghĩa chữ ấy, ta có thể đoán rằng người xưa đặt ra đề gọi triều vua thứ nhất của giống ta là chỉ cốt chỉ phiếm cái thời-kỳ tối tăm trong lịch-sử.

Tại sao người ta lại tìm nguồn-gốc nòi-giống ở tận giòng - giới Thần-nông? Điều ấy là do cái ý của người ta muốn cho nòi-giống mình là cao quý. Do điều ấy ta lại có thể nhận thấy rằng truyền-thuyết xưa đã bị xếp đặt lại trong thời-kỳ Bắc-thuộc rồi.

Chuyện Lộc-tục gặp con gái Thần-long mà sinh ra Lạc-long-

quân chỉ là một di-tích của chế-độ tô-tem. Đến như việc Âu - cơ sinh một trăm con, một nửa theo cha, đó chẳng qua là lịch - sử thần-thoại-hóa của các rợ ở miền Ngũ-lĩnh mà sách sử xưa gọi là các rợ Bách-Việt do nước Xích-quỉ chia ra. Chữ Bách - Việt vốn không phải là tên nước, chỉ là tiếng gọi chung các rợ ấy, phần nhiều là giống Anh-đô-nê-diêng, đương còn ở trạng-thái cội trướng hay đóng khố (Xích quỉ là quỉ ở trướng).

Theo sử xưa thì các nước Bách-Việt là do nước Việt ở miền Giang-tô Chiết-giang bị nước Sở đánh mà tan rã đi ở rải - rác ở miền Nam nước Trung - hoa. Trong các rợ ấy, trọng yếu nhất là rợ Miêu, rợ Lô - lô từ xưa ở miền Hồ - nam, rợ Mán xưa ở miền Chiết-giang, cùng rợ Kinh-man xưa ở miền trung-lưu sông Dương-tử vào khoảng hồ Động-dinh, mà nhà trung-hoa-học Arousseau cho là thủy-tổ của các rợ Việt. Các rợ ấy hẳn là thuộc về một chủng-tộc, mà theo các nhà nhân-chủng - học ngày nay thì hậu-duệ của họ, hiện ở miền Nam nước Trung - hoa và miền thượng-du xứ Bắc-kỳ, là về giống Anh-đô-nê-diêng.

Một rợ trong đám Bách - Việt ấy, tức là rợ Lạc-Việt, sau cuộc chinh-phục của Tần-Thủy-Hoàng (221 trước kỷ-nguyên) sẽ lại với giống Mông-cổ mà thành tổ-tiên của giống Việt-nam ngày nay.

Truyền-thuyết nói Lộc-Tục gặp con gái Thần - long ở hồ Động-dinh, và cho rằng nước Văn-lang xưa phía Bắc giáp đến hồ, ấy là nhớ lại nơi phát tích của rợ Việt (vốn là rợ Kinh-Man) vậy.

Truyền-thuyết nói Lạc-long-quân là con Lộc-Tục lấy Âu-cơ là con Đế-Lai, mà Đế-Lai là con Đế-Nghi là anh ruột của Lộc-Tục.

Đó là một dấu-hiệu khiến ta có thể nhận rằng bấy giờ là xã - hội mẫu-hệ. Long - quân và Âu - cơ theo phụ-hệ thì là một họ, mà theo mẫu-hệ thì chẳng có quan-hệ gì với nhau.

Việc Âu-cơ đem 50 con trai lên miền núi lại là một dấu-hiệu của chế-độ mẫu-hệ nữa. Việc Lạc-long-quân đem 50 con trai xuống miền biển và phong cho con đầu làm vua ở nước Văn-lang khiến ta có thể xem đó là dấu-hiệu của cuộc cách-mệnh do chế-độ mẫu-hệ chuyển sang chế-độ phụ - hệ, mà có lẽ là chế - độ phong - kiến cha truyền con nối.

Con trưởng của Lạc - long-quân làm vua nước Văn - lang, truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng - vương. Nhà trung-hoa - học H. Maspero đã đính - chính chữ Hùng - vương bằng những chứng-cứ rất chắc-chắn, mà nói rằng chính là chữ Lạc-vương 雒王, chứ không phải là Hùng-vương 雄王. Ta muốn biết rằng rợ Việt mà truyền thuyết của ta gọi là nước Văn-lang, vốn tên là Lạc-việt; ta có thể cắt nghĩa chữ ấy là: rợ Việt họ Lạc, hay là rợ Việt thuộc về thị-tộc (clan) Lạc. Tờ-tiền tô-tem của rợ ấy là rồng hay rắn, truyền thuyết bèn gọi là Lạc-long-quân (ở đây chữ Lạc thường viết ra 貉); mà ruộng nương của họ bèn gọi là lạc-diền, dân cày ruộng ấy bèn gọi là lạc-dân. Chữ Hùng-vương hay Lạc-vương là tên gọi các vua phong-kiến tiếp nối nhau, cũng như lãnh chủ ở bậc dưới thì gọi là Lạc-hầu và Lạc-tướng.

Truyền-thuyết cho rằng Hùng-vương đời cuối-cùng có con gái là My-nương, nhan-sắc rất đẹp. Vua nước Thục nghe tiếng muốn cầu hôn, Hùng-vương thuận gả,

nhưng Lạc-hầu (chức phong-kiến ở dưới vua) can và nói rằng đó là mưu của vua nước Thục muốn cướp nước mình. Bị khước, vua Thục giận lắm. Sau đó có hai người đàn ông đến đến bãi yết nhà vua và xin kết hôn với My-nương. Vua lấy làm lạ, hỏi thì họ đáp rằng một người là Sơn-tinh, một người là Thủy-tinh. Nhà vua bối-rối không biết nhận lời ai, bèn hẹn sáng mai ai đem sình-lễ đến trước thì được vợ. Sáng mai, Sơn-tinh đem đồ châu báu bạc vàng, cùng các sơn-cầm dã-thú đến làm lễ, vua bèn gả con gái cho. Sơn-tinh rước vợ về núi Tản-viên. Thủy-tinh đến chậm, hối hận không kịp, bèn nổi mây, mưa và dâng nước lên, và đốc-suất các loài thủy-tộc đuổi theo. Sơn-tinh dâng lưới sắt để ngăn sông ở phía trên Từ-liêm, Thủy-tinh lại theo dòng sông khác mà vào miền chân núi Quảng-uy, lên cửa Hát-giang, chỗ nào cũng xoi thành đầm thành vực để chứa nước mà hãm núi Tản-viên. Sơn-tinh bèn dùng phép, gọi người Mán đan tre làm rào để chặn nước và dùng nổ mà bắn, các loài tôm cá trúng tên chạy trốn cả, Thủy-tinh phải lui. Nhưng từ đó, mỗi năm Thủy-tinh vẫn nhớ giận xưa, cứ dâng nước lên để toan đánh Sơn-tinh.

Sau khi My-nương lấy Sơn-tinh, vua Thục lại càng căm-tức nữa, trước khi chết dặn lại con cháu thế nào cũng phải đánh lấy nước Văn-lang để rửa thù.

Chuyện Sơn-tinh và Thủy-tinh là một cách giải thích thần-bí của dân-chúng đối với cái hiện tượng lụt ngập hàng năm là cái tai-nạn không kém gì họa chiến-tranh cho nhân-dân ở miền lưu vực sông Hồng-hà. Theo các nhà cổ-học thì những chuyện truyền-kỳ đem nước và lửa hoặc biển

và núi đối kháng nhau như chuyện Sơn-tinh Thủy-tinh, và chuyện Lạc-long-quân và Âu-cơ chia con, rất phổ-thông trong cổ-truyền của các rợ về giống Anh-đô-nê-diêng, có lẽ vì giống người ấy tự miền lục-địa chân Á tỏa ra miền biển ở phía đông đã từng lấn-lướt giẫm người thổ-trước các xứ họ chinh-phục, đuổi vào miền núi mà chiếm lấy đất đồng-bằng và bờ biển.

Về nửa thế-kỷ thứ 3 trước kỷ-nguyên, sau khi thống-nhất nước Trung-hoa, Tần-Thủy-hoàng muốn chinh-phục các xứ Bách-Việt, trước là để trừ những dân-tộc láng-giềng hiếu chiến có thể gây rối ở biên thủy, sau là để chiếm lấy những miền đất phì-nhiều và rất giàu những sản-vật quý như sừng tê, ngà voi, san-hô, trân châu, vàng bạc. Năm 221, vua Tần bèn phái đại đội binh mã, chia ra 5 đạo, mỗi đạo 10 vạn người, qua 5 cửa ải của Nam-lĩnh. Đạo thứ nhất lấy được rợ Đông-Âu và rợ Mân-Việt ở Thiết-giang và Phúc-kiến, thẳng đường xuống liên hợp với hai đạo khác đã đánh được rợ Nam-việt ở miền Quảng-đông. Đạo thứ tư và đạo thứ năm thì đánh Quảng-tây và lưu-vực sông Tây-giang. Sau những cuộc thắng-lợi dễ-dàng thu được trong khoảng một năm, quân nhà Tần muốn thẳng đường đánh luôn rợ Tây-Âu. Nhưng đến đây thì cuộc chinh-phục trở thành gay-go: Người Âu-Việt chống-cự rất kịch-liệt. Trong vòng 3 năm quân Tần không làm gì nổi, một là vì giống Tây-Âu vốn dũng-cảm hơn các rợ kia, hai là vì vận lương hiêm-trở lắm. Nhưng sau nhờ Sử-lộc đào kênh để vận lương đến miền Tây-giang và phía bắc Bắc-kỳ,

quân Tần mới thắng trận và giết được tù-trưởng là Địch-Hữu-Tổng. Nhưng người Tần càng tiến thì người Tây-Âu càng lui trốn vào rừng-rú, không chịu thần phục, rồi sau lựa những người kiệt tuấn tôn lên làm tướng, thỉnh linh trở ra phản công, giết được hiệu-úy quân Tần là Đồ-Thư. Quân Tần phải lui lại. Nhưng vào khoảng năm 218-127 trước kỷ-nguyên, nhà Tần phái Nhâm-Hiêu làm quan Úy quận Nam hải và Triệu-Đà làm quan Lệnh huyện Long-xuyên, đem vô số những người tù-tội bị đầy đày đóng giữ những đất đã chiếm được và thêm sức cho quân-đội chinh-phục « Sử không chép quân nhà Tần sang đánh lại rợ Tây-Âu thế nào. Nhưng ta có thể tưởng rằng cuộc chinh-phục ấy được hoàn-toàn thành công, nhờ có cuộc thực-dân và tổ-chức binh-bị » (2) như thế.

Nhưng khoảng tháng 7-8 năm 210 trước kỷ-nguyên, Tần-Thủy hoàng mất, khiến nước Trung-hoa vừa mới thống-nhất nhờ bàn tay sắt của vị hoàng-đế anh-hùng ấy, lại phải chìm vào một cuộc loạn-lạc lâu-dài. Có lẽ trong khoảng loạn-lạc ấy, nhà Triệu-quận là đất xa-xôi, và quân đồn-trú yếu sức, nên một người cháu vua nước Thục nào đó (3) chắc rằng Trung-quốc có loạn, bèn đánh chiếm lấy Triệu-quận, giết những Lạc-vương và Lạc-hầu, Lạc-tướng trọng-yếu, và áp phục các phong-kiến-chúa khác, dựng lên một triều vua thứ nhất của giống Việt-nam, tức là nhà Thục. Vua Thục đặt tên nước là Âu-lạc, lấy hiệu là An-dương-vương, định đô ở Phong-khê và xây Loa-thành (hiện nay là làng Cổ-loa, tỉnh Vĩnh-yên) để giữ nước.

Trong khi ấy thì ở Trung-hoa,

đầu năm 208, Nhâm-Hiêu gần chết, cho gọi Triệu-Đà đến và khuyên Triệu-Đà nên nhân dịp loạn ấy mà độc lập. Nhâm-Hiêu mất, Đà thay Hiêu lên làm quan Úy quận Nam-hải. Sau đó, Triệu-Đà chiếm cứ luôn cả quận Quế-lâm và Triệu-quận.

Theo truyền thuyết của ta thì Triệu-Đà đem quân đánh nước Âu-lạc, nhưng An-dương-vương đã nhờ được thần Kim-qui giúp cho đắp được Loa-thành lại cho một cái móng để làm nẩy nở, — đem nỏ thần ra bắn tan được quân của Triệu-Đà. An-dương-vương dẫn thắng trận mà cũng chia đất cho Triệu-Đà để giảng hòa. Con Đà là Trọng-Thủy kết hôn với con gái An-dương-vương là My-châu. Trọng-Thủy lừa vợ để xin xem nỏ thần rồi ăn cắp nẩy nở và trở về xui cha tiến binh. An-dương-vương đã mất nẩy nở thần, bị quân Đà đánh, phải bỏ thành đem con chạy trốn, Chạy đến chỗ núi Mộ-dạ, phủ Diễn châu, tỉnh Nghệ-an ngày nay, An-dương-vương thấy trước mặt là biển, sau lưng là giặc, không chạy được nữa, bèn cầu cứu với thần Kim-qui. Thần Kim-qui nổi lên mặt nước bảo cho vua rằng giặc tức là con gái của vua. An-dương-vương giận con, rút gươm chém, nhưng trước khi chết, My-châu nguyện được hóa làm châu ngọc để tỏ lòng trung-trinh. Máu My-châu chảy xuống biển, hóa ra ngọc trai. An-dương-vương sau khi chém con thì nhảy xuống biển mà biến mất, Còn Trọng-Thủy nhờ được lông ngỗng của vợ rải trong khi chạy trốn để đánh dấu đường, tìm được đến nơi thu xác vợ về chôn ở Loa-thành và thương xót quá, nhảy xuống cái giếng là nơi My-châu thường tắm rửa mà chết theo.

Sách xưa của người Trung-quốc không chép việc Triệu-Đà đánh An-dương-vương để chiếm cứ Triệu-quận, nhưng cứ truyền thuyết ấy, nếu ta bỏ đi những yếu tố hoang đường, thì cũng còn lại cái kỷ-niệm của một cuộc chiến tranh hãn có.

Nhưng truyền-thuyết cho rằng nhà Thục lập quốc từ năm 257 thì sai, vì An-dương-vương chiếm được đất Lạc-Việt là nhờ cuộc rối loạn sau khi Tần-Thủy hoàng chết, vào cuối năm 210. Vậy thì nhà Thục chỉ trị vì được từ năm 210 đến năm 208 là năm Triệu-Đà xưng vương nước Nam Việt.

ĐÀO-DUY-ANH

1) Xem bài « Truyền-thuyết đời thượng-cổ của nước Tàu » ở Tri-Tân số 24.

2) La première conquête chinoise des pays annamites par Aouroussau B. E. F. E. O. XXIII p. 237.

3) Theo truyền thuyết, Phán là cháu ông vua nước Thục trước kia cầu hôn My-nương, con vua Hùng-vương cuối cùng mà không được.

Khóa sổ nhận quyền dự thi lịch-sử

Tri-Tân xin trình-trọng cảm-tạ các bạn đã hưởng-ứng cuộc thi lịch-sử do bản-chí tổ-chức.

Phạm những quyền thi nhân được bản-chí đều đã cẩn-thận để riêng một chỗ.

Như trong thể-lệ đã định, hạn nhận bài thi đến 31 Décembre 1941 là hết.

Vậy kể từ 1er janvier 1942, Tri-Tân xin khóa sổ nhận quyền dự thi và sẽ lập một ủy-ban để chấm.

Đến tháng Février sẽ tuyên - bố kết quả cuộc thi lịch-sử này. Xin các bạn để ý cho.

TRI-TÂN

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ số 11

ỨNG-HOÀ NGUYỄN VĂN-TỐ

XXXIV

Vịnh Nam-glao

(Thơ Trịnh-Côn, 1682-1709)

Bài dẫn (bằng chữ Hán). — Tế Nam-glao dựng nên là việc rất kính-cần. Ta nối theo nghiệp vương, gìn-giữ nền nhơn, đầu mùa xuân chọn ngày tốt, thân giúp xe vua, kính tới bái yết, ngưỡng chiêm đức nhơn, rõ-rõ khó tả. Lòng cung kính sinh ra, nhân thể làm bài ca, ngâm thành một luật quốc-âm, đề tỏ lòng thành-thực kính-cần.

Vững đặt kiên 'khôn khéo vẹn
nên,

Nhật vời trần tục quá vời khen.

Mấy lần rõ-rõ kim-anh điện,

Một áng lâu-lầu thế-giới tiên.

Phát dục bốn mùa ơn hiệu dăng,

Bao hàm muôn vật đức thuần
toàn.

Lễ hằng kính yết tuần nguyên
chinh,

Mặc hựu đều nhờ sức đại-viên.

(Trích ở Ngự - đề Thiên - hòa
doanh bách vịnh thi-tập, sách
viết của Trương Bác-cổ, số AB
544, tờ 4 a-b.)

XXXV

Vịnh cung miếu

Bài dẫn (bằng chữ Hán). — Nghĩ hiếu-đạo thờ tiên-tổ, rõ-rệt nhờ giáo-huấn, xem văn hay mà chuộng đức trung-thuần, xét việc tế-tự mà suy đến căn nguyên tình-đốc. Ôi ! nghĩ các vị thánh-vương rất là tôn-kính, một lòng giúp-dỡ sửa-sang nghiệp nhơn, phần-chấn anh-uy dưng-lược, trừ kẻ tiếm nghịch, diêm quái-gở, yên vạc rừng, lấy lại thần-kinh, mở mang cõi đất, hưng khởi việc

đời. Hiệu lệnh âm âm như gió
sấm, cương trù vắng vạc như
mặt giăng mặt giới, môn môn
tam cương cửa trù như mùa
xuân, rõ-rõ như mùa hè, trăm
thần ủng hộ, chín cõi qui phục.
Giữ triều-đình ngay thẳng để
đặt phép công bằng, khắp hoàn
hải đều khuôn nung đúc, công
giáo dục sánh cùng giới đất,
nhân ân thấm nhuần muôn vật.
Xa gần đều nhờ mây tạnh, ngang
dọc cùng vết bánh xe, vận tốt
như giới sáng vắng vạc, mối
truyền như giấy dài miên-viễn.
Nhớ công xây dựng khó nhọc,
cơ nghiệp đắp nên, nối theo làm
thêm sáng sửa, công to phép
thịnh, rõ ràng trong sách vở,
chính tốt mưu hay, đề mãi như
rùa đề bói, như gương đề soi,
trông như núi cao, lòng mến
nhường nào, cảm động vun
giống, chưa từng mây may báo
bồ, chép hai bài tán-dương, hầu
tỏ lòng kính mến.

Trung-hưng đem lại vững nền
vương,

Sửa đẹp nhiều thu sức dõm
dương.

Uy hiên nhơn nhơn trên thánh-
tọa,

Lễ nghiêm chêm chêm trước
kim đường.

Dối truyền tôn xã muốn đời
thịnh,

Sáng đề huân danh bốn bề vang.

Ngữ thể đức kiên càng cảm kích,

Nổi lòng truy viễn bức vắn
chương.

Dài dặc thần cơ chỉ mở mang,
Công thu thu vẹn chính triều
cương.

Kinh bày diện-diện đồ khuê-
bích,

Gìn giữ khăng khăng phép để
thường.

Nhờ phúc trùng trùng so địa
hậu,

Tướng ơn dằng dặc sánh thiên
trường.

Tĩnh phù thể nước nhường như
tại,

Thăm thăm cao trông ngõ thái
dương.

(Trích ở Thiên-hòa doanh bách
vịnh, tờ 5 a — 6 b.) (1).

XXXVI

Văn tế phò mã Võ-Tánh và thượng-thư Ngô-tòng-Chu

(Đặng Đức-Siên soạn) (2)

Than rằng : đạo thần tử hết
lòng thờ chúa, gian nan từng dãi
dạ trung thành ; đáng anh hùng
vì nước quên mình, diên bài
chẳng lay lòng trung nghĩa (3).
Ngọc dù tan, vẻ trắng nào phai ;
trúc dầu cháy, tiết ngay vẫn đề
(4).

Nhớ hai người (5) thao lược
ấy tài. kinh-luân là chí. Phù vạc
Hán (6) thuở ngôi trời chệch
lệch, chém gai đuôi lữ hung tàn ;
vết xe Đường khi thể nước
chông-chênh, cầm bút ra tay
kinh-tế.

Mỗi nghĩa sánh duyên gác tía,
bước gian-truân từng cạy dạ
khuông phù ; màn kinh giúp
sức cung xanh, công mông
dưỡng đã đành lòng ủy-ký.

Hậu quân thuở trao quyền
tứ trụ, chữ ân-uy lớn nhỏ đều
phủ ; lễ-bộ phen giúp việc chính
khanh, bề trung-ái sớm khuya
chẳng trễ.

Ngoài cõi vượt nanh ra sức,
chí tiếm-cừ đành dãi xuống ba
quân ; trong thành lòng dạ chia
lo, bề ưu-quốc đã thấu lên chín
bộ (7).

Xem tiếp trang 7

Sự thật về ông Nghè Tân

TRONG văn-học giới có nhiều lần nhắc đến tên ông Nghè Tân và những truyện giai-thoại về ông. Vừa đây tôi được hầu chuyện một cụ Ấm người làng Thượng-cốc có họ với ông Nghè Tân, vậy xin cứ ghi nguyên câu chuyện ấy ra sau đây, họa may giúp thêm được đôi chút tài-liệu đề cung cho việc khảo-cứu về văn-học.

Ông tên là Nguyễn Quý-Tân, hiệu Đỉnh - Trai, người làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, sinh năm Giáp-tuất (1814), niên hiệu Gia-long thứ 13, mất năm Mậu-ngọ (1858), niên hiệu Tự-đức thứ 11.

Cha tên là Nguyễn Thực, vốn nghiệp nho, thi hương đỗ bốn khoa tú-tài, ngồi dạy học ở làng.

Ông Tân tính-nết ngang-lạng, phóng dăng, nhưng rất thông-minh. Thiếu-thời ông không chịu học-bành gì cả, chỉ hết ngày ấy qua ngày khác đánh thò-lò quay dế cùng mấy tên vô-lại. Cụ Nguyễn la-rày thế nào mặc dầu ông cũng không chịu. Thậm chí cứ tới đến, cụ ngồi học, bắt ông ngồi ngay trước mặt cùng học; nhưng ông lura lúc nào cụ mệt, nằm xuống ngủ, liền lấy chiếu đắp cho cha, rồi ron-rén leo tường trốn ra đi chơi. Cụ sức tỉnh dậy, gọi đến « thằng Nhớn » (tên tục ông Tân), không thấy, lại dùng-dùng mang roi đi tìm.

Hồi ấy, có lệ học trò không đỗ-dạt gì đều phải ra lính. Cụ Nguyễn thương con, hết sức kèm ông học, nhưng ông ững chỉ qua-loa lấy lệ. Sau cả hai cha con đều đỗ tú-tài, một khoa (không nhớ khoa nào).

Tướng ông đỗ tú-tài, vào hàng

văn-thân thì cải tính, cải nết, ai ngờ chứng nào vắn tắt ấy, có chừa đâu! Về sau quá lắm, cụ phải làm đơn đem ông lên huyện Gia-lộc xin từ.

Quan huyện, do chân khoa-mục xuất thân, thấy thế, sợ mang tiếng sĩ-lâm trông bặt, mới cho đòi ông vào dạy-bảo các nhẽ, nhưng ông cũ g vắn thẽ!

Lần thứ hai cụ Nguyễn lại xin từ con. Lần này quan huyện phải nghĩ một cách cho ông đi xa khỏi chơi bời. Ngài bàn với cụ Nguyễn cho ông lên Hải-dương hạch khiêu đề vào học trường Quốc-lữ-giam ở Kinh-dô.

Lệ hạch khiêu rặng lắm, vì bài-vở ngang với thi hội. Cứ tài học ông Tân thì không sao đỗ được, nhưng trong họ phần nhều là người hay chữ mới lên tỉnh « ga » cho ông. Ông đỗ khiêu và được tuyển vào hàng cống-sĩ Bắc-kỳ học Giam ba năm đề thi hội.

Đến ngày tiến Kinh, anh em lại góp tiền được 15 nén bạc, tiễn ông lên đường Hành-trình qua tỉnh Thanh hóa. Ông vẫn máu-mê cờ-bạc, chỉ mở có một tiếng sáo-dĩa hết cả 15 nén bạc. Lúc ấy hai thầy trò tình-cảnh thật khốn-đốn. Chủ trọ thương tình gan hỏi, biết là cống-sĩ Bắc-hà, thương cho chịu tiền trọ, lại cấp thêm cho tiền ăn đường vào Kinh.

Ở Huế, là nơi đô-hội phồn-hoa, thanh-lich, ông lại càng thích chơi-bời. Thậm chí thiếu tiền đánh bạc, ông điều-dinh cả với lễ-sinh ở Giam phát dầu thắp chệt can bả g tiền (ệ khi xưa, n à-nước cấp dầu thắp cho học-trò Quốc-tử-giam, nhưng

không được phép đem bán). Nếu thiếu dầu, ông lại đi nhờ anh em.

Cụ Nguyễn nghe tin con ở Kinh chơi-bời quá, mới nghĩ cách cho bà vợ ông là người hiền-đức theo trông-nom việc thối-nấu và kiểm-chế một thề.

Nhưng nào có được đâu, bà vợ ông vì xấu, bị ông mỗi lần đi chơi về, đánh-dập rất khỗ-sở, nhưng bà không hề than-thở một câu.

Lúc ấy, ông cùng trọ với ông Phan Tam-Tĩnh (người Nghệ-an). Ông Phan là người học uyên-xúc, còn ông Tân chỉ cở bạc thối.

Một hôm, bà Phan từ Nghệ vào thăm chồng, thấy hai ông còn mãi-miết đánh bài mà kỳ thi sắp tới, bà mới bàn với bà Tân, rồi hai bà định can các ông ấy.

Bà Phan lên trước, gọi ông Phan ra, rồi chỉ bà bạn mà nói: « Thưa ông, bà Cống Thượng-cốc đây phàn-nản với tôi rằng các ông không chịu đọc sách, ch? ham bài bạc thì thi cử sao được. Vậy xin ông dẹp bài đi mà lo việc học. » Ông Tân đang cầm bài, chạy ra nói: « À, nếu có mở miệng thì có lẽ tôi sẽ đỗ, các bà đã dạy thế, anh em chúng tôi xin vâng. »

Nói xong, vào nhà lấy quyền kinh Lễ ra, miệng khấn: « Nhờ giới phù hộ cho tôi vào trúng được bài trong sách này. » Rồi cũng chỉ xem được độ 20 tờ là lại đi chơi.

Năm ấy là niên-hiệu Thiệu-trị thứ hai (1842). Gặp khoa thi Nhâm-dần, các cống-sĩ đều ứng thi. Kỳ đệ nhất kinh-nghĩa. Ông Tân quên hết cả sách, không làm được bài, lura lúc người lính canh sơ ý, mang ngựa đề lên sang hỏi ông Phan Tam-Tĩnh. Ông này, không những không bảo, lại còn

nhức rằng : « Tôi thi với bác, chứ thi với ai, sao lúc nhàn, bác không đọc sách. » Ông Tân tức quá, về chỗ, liền viết văn kim cho xong việc, vì sợ đề quyền trắng bị tội.

Sau kỳ này, ông Tân giận ông Phan, dọn lên trọ trên chùa Thiên-Mỗ. Anh em lại chơi bời về thi, ông chỉ giả nhời : « Văn tôi một là ăn to, hai là sẽ bị tội nặng. »

Đến kỳ ra bảng, một sự không ngờ : Ông được vào. Đến văn sách, đầu bài ra trúng ngay vào 20 tờ kinh Lễ ông đã thuộc lòng. Nhờ thế, khoa ấy ông đỗ đệ tam giáp Tiến-sĩ, tuổi mới có 29.

Lúc các tân-khoa vào ngự uyển khán hoa, ông Tân tham chọn ngay bông hoa râm-bụt. Các tân-khoa phải làm một bài thơ dâng lên ngự-lâm. Đến lượt ông Tân, đức Thiệu-trị phì cười mà phê rằng : « *Hữu sắc vô hương !* » Nếu thần khẩu quả có linh thời cái đời ông nghe Tân thật quả không « nên cơm cháo gì ».

Ông được sơ bổ tri-phủ Quốc-oai (Sơn-tây), nhưng chả may khi mới nhậm chức, gặp ngay quan Tổng-đốc ghét (vì ông này khi trước làm Tể-tửu Quốc-tứ-giám, mà trong thời-kỳ học Giám, ông Tân không bao giờ đến chào thày).

Ông biết thế không sao ở được, mới hội-hợp tất cả tổng lý trong hạt, đánh một canh sóc-đĩa rất lớn rồi xin cáo quan về.

Đến khi cụ Nguyễn-Công Trứ ra làm Tổng-đốc Hải-dương, thấy ông nghèo túng quá mới bỏ cho đi giáo-thụ phủ Bình-giang, nhưng hiềm vì học trò ít, bổng lộc không, nên ngày ngày quan giáo cứ sang ngồi « ám » quan phủ.

Lâu dần quan phủ khó chịu, mặt bầm lên quan Tổng-đốc.

Cụ Nguyễn-Công Trứ khuyên ông nên làm giấy xin thôi.

Rồi từ đó, nay chơi hạt này, mai chơi hạt khác, làm nhiều sự khó chịu cho các quan địa-phương.

Thực ra ông Tân có phải là thanh-tra gì đâu. Nhưng vì có lệ mỗi năm vẫn có quan Ngự-sử từ kinh ra Bắc xét về tình-hình quan-lại, ông cứ đến các hạt làm thơ nôm, dạy trẻ chẵn trâu hát, vô-phúc mà quan Ngự-sử sao chép được, đệ về kinh thì quan bản hạt bị tội liền. Vì thế ông đi đến đâu ai cũng kènng mặt trọng đãi, tiền tống hân-hoi.

Năm 45 tuổi, về ở quê, thấy mình già yếu, gặp ngày tết, ông khai bút có ngẫu đề hai câu :

Tứ thập ngũ tuế, nhất triều thành cổ nhân, bán thế dĩ tiền phi thị mệnh ;

Nhị thập cửu tuế, nhất cử trúng tiến sĩ, thiên thu chi hậu thọ ư danh.

NGHĨA LÀ :

Bốn mươi năm tuổi một sớm

thành ra người thiên-cổ, những việc nửa đời về trước không phải là chuyện chiêm bao.

Hồi hai mươi chín tuổi, thi một cái, đỗ ngay tiến-sĩ. Nghìn năm sau, danh ta được trường thọ

Rồi ông mất năm ấy, thọ 45 tuổi, niên hiệu Tự-Đức thứ 11 (1878).

Ông hay làm văn nôm, có nhiều bài được truyền-tụng. Tếc rằng chúng tôi chưa sao được hết vì còn nhiều bài đáng ngờ

Ông nghe Tân có hai vợ : bà chính thất là người rất hiền-đức đã từng theo ông vào kinh khi còn học Giám ; bà vợ thứ, lấy vào lúc làm tri-phủ Quốc-oai.

Ông sinh được năm người con gái, trong số ấy có người thứ hai là Nguyễn Hằng-Tấu, đỗ cử-nhân khoa Mậu-dần, 1878, đời Tự-đức, làm quan đến Đốc-học Hà-nam.

Hệ nay con cháu ở làng Thượng cốc vẫn còn đông lắm.

TIỀN-ĐÀM thuật

Tài-liệu đính-chính văn cổ

Tiếp theo trang 5

Miền biên-khôn đôi năm chia sức giặc, vũng lòng tôi bao quân thế là nguy (8) ; cỡi Phú-xuân một trận thét oai trời, nặng việc nước phải lấy mình lam nhẹ.

Sửa mũ áo lay về bắc khuyết, ngọn quang-minh hun nát tấm trung-can ; chỉ non sông gĩa với cô-thành, chửa tân khổ nháp ngon mùi chính khí (9).

Há rằng ngại một phen thí-thạch, giải trung vì mà tìm tới quân-vương ; bởi vì thương muôn mệnh ti hưu, t à nhất tử đề cho toàn tướng-sĩ (10).

Tiếng hiệu lệnh mơ-màng

trước gió ân-tín xưa người bộ khúc thương tâm (11) ; bóng tình trung thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ kể lên bằng sải lệ.

Cơ đặng định kíp chầy đàn hện buồn, xót nỗi tương doanh sao vắng mặt thân-huân ; phận truy-tuy gang tấc cũng dền công, tiếc vì nhưng mạc hồng thiết tay trung-trí

Nay gặp tết thu, bầy tuần ury tế. Hai chữ-cương tượng nghĩa nặng, rõ cồn hoa cũng thỏa chốn u mi h ; nghĩa thu quang nhac khí thiêng, sắp mao việt đề mở nền bình trị (12). Thượng hưởng. (Theo quyển *Lệ-ngữ văn tập*,

sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ số A B 166, tờ 20 a-21 a.)

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

1) Quyền Thiên-hóa-doanh bách vịnh chưa ai diễn ra quốc-ngữ.

2) Bài văn tế Võ-Tánh và Ngô-tòng-Chu đã có nhiều người in ra quốc-ngữ nhưng xét ra có một vài chữ khác với hai bản chữ nôm của trường Bác-cổ; một bản chép trong quyền Quốc văn tưng ký (số a b 383 quyền thượng, tờ 26 a-b) có tên tác giả là Đặng-đức-Siêu; một bản chép trong quyền Lệ-ngữ văn tập (số a b 166, tờ 20 a-21 a) đề là Tế phó-mã dữ Lễ-bộ thượng-thư văn và chưa hai câu chữ nho dịch như sau này: « Phó mã bị vây tự đốt mình; Thượng thư bị vây tự uống thuốc độc ». Không thấy sách nào chép rằng: « bài này là của vua Gia long tế viếng hai ông trung thần » như lời của mấy nhà xuất bản viết trong sách văn tuyển Còn những chỗ dị bản, xin kê ra sau đây.

3) Bản đăng dám lay lòng tiết nghĩa.

4) Tiết ngay còn đề, tiết ngay hãy đề.

5) Nhớ hai người xưa.

6) Giúp đỉnh Hán.

7) Trong thành vững dạ chia lo, bề vu quốc đã thấu lên chín bề.

8) Miền biên khêu liên năm chia sức giặc, vững đạo tôi chi quân thế là nguy.

9) Chén tân khổ ngọt ngon mùi chính khí.

10) Thà nhất tử xin cho toàn tướng sĩ.

11) Ân tín xưa người bộ khúc đau lòng.

12) Nghìn thu quang nhạc khí cương giúp mao việt rồi mở nền binh trị.

Cải chính. — Dù sửa kỹ đến đâu cũng còn bỏ sót; nhưng chúng tôi dám chắc rằng độc giả đã chữa giúp cho rồi, bất tất phải cải chính. Duy có số gần đây (số 28 ngày 19 Décembre 1941) chúng tôi quên mất câu: bài phú thấy đồ dạy học đã in trong quyền Cổ xúy nguyên âm của cụ Nguyễn Đông châu (quyển thứ nhì trang 85). Về những bài phú, bài kinh nghĩa và bài văn sách, chúng tôi định khi nào in ra thành sách sẽ chưa những chỗ dị bản vì chưa cả là đây sợ dài quá.

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Janvier

Ngày 15 tháng một, năm Tân - tu.
Thứ năm, 1 Janvier 1942

Ngày nay năm Quý - mùi 1833; quân Pháp đánh thành Sơn - tây Bắc-kỳ.

Ngày 16 tháng một, năm Tân - tu
Thứ sáu, 2 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-tý, 1888, quan Kinh - lược Nguyễn hữu - Độ mất.
Ngày 17 tháng một năm Tân - tu
Thứ bảy, 3 Janvier 1942

Ngày nay năm Quý-mão, 318 trước Tây-lịch, ông Chử Đồng-tử và bà Tiên-Dung biến mất ở làng Đa-hòa, phủ Khoái-châu, Hưng-yên.

Ngày 18 tháng một, năm Tân - tu
Chủ-nhật, 4 Janvier 1942

Ngày nay năm Nhâm - tuất, 1742, quân Triều-đình đại thắng quân Quận Hảo ở vùng Hồng môn (?)

Ngày 19 tháng một năm Tân - tu,
Thứ hai, 5 Janvier 1942

Ngày nay năm Canh-tí, 1660, quân chúa Nguyễn đánh nhau với quân Trịnh - Căn ở làng Phù - lương Thượng, huyện Nghi-xuân, Hà-tĩnh.

Ngày 20 tháng một năm Tân - tu,
Thứ ba, 6 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-thân, 1788, Ngô văn Sở, tướng nhà Tây-sơn, vì thấy vua Lê Chiêu-thống cầu được binh nhà Thanh sang cứu, bèn bỏ Thăng-long, lui về giữ núi Tam - tăng ở Thanh-hóa, Trung-kỳ.

Ngày 21 tháng một năm Tân - tu,
Thứ tư, 7 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-thân, 1788, vua Lê Chiêu - thống tiếp kiến Tôn - sĩ-Nghị, chủ tướng binh nhà Thanh, tại thành Kinh-bắc.

Ngày 22 tháng một năm Tân - tu
Thứ năm, 8 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu - thân, 1788, quân Tôn-sĩ-Nghị nhà Thanh kéo vào thành Thăng-long.

Ngày 23 tháng một năm Tân - tu,
Thứ sáu, 9 Janvier 1942

Ngày nay năm Canh - thân, 1740, quan Tiến-sĩ Trần-Cảnh đánh đuổi được Giặc Nanh, Nguyễn Tuyên, giải nguy cho kinh-thành Thăng-long.

Ngày 24 tháng một năm Tân - tu,
Thứ bảy, 10 Janvier 1942

Ngày nay năm Đinh-hợi 1287, Hưng đức hầu Quán dùng tên thuốc đánh quân Nguyên. Quân Nguyên thua phải lui xuống cả Võ-cao (?)

Ngày 25 tháng một năm Tân - tu
Chủ nhật, 11 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-ngọ 1918, Phi-tướng Cao-đắc Minh bị chết cháy trong khi bay ở Saigon.

Ngày 26 tháng một năm Tân - tu,
Thứ hai, 12 Janvier 1942

Ngày nay năm Nhâm-tý 1672, quân chúa Nguyễn và quân chúa Trịnh giao chiến ở thành Trấn-ninh, xưa thuộc tỉnh Nghệ-an nay thuộc về Ai-lao.

Ngày 27 tháng một năm Tân - tu
Thứ ba, 13 Janvier 1942

Ngày nay năm Mậu-thân 1788, vua Lê Chiêu-thống sai sứ sang Tàu rước bà Thái-hậu về nước.

Ngày 28 tháng một năm Tân - tu
Thứ tư, 14 janvier 1942

Ngày nay năm Kỷ-dậu 1729, chúa Trịnh-Cương đi chơi cung Cổ - bị rơi mất tại đây, thọ 44 tuổi, làm chúa được 22 năm.

Ngày 29 tháng một năm Tân - tu
Thứ năm, 15 janvier 1942

Ngày nay năm Bính - tuất 1886, khánh-thành nhà thờ lớn « Saint Joseph » tại Hà nội.

Ngày 30 tháng một năm Tân - tu
Thứ sáu 16 janvier 1942

Ngày nay năm Canh - ti 1660, Trịnh-Căn thống-lĩnh đại quân chúa Trịnh thúc binh đuổi quân chúa Nguyễn thua chạy vào Nam Bố-chính.

(Còn nữa)

Long-Điền Nguyễn văn-Minh

kỳ sau :

Thận-trọng đối với
tiền-nhân

TẢO-TRANG

Bia Văn-Miếu

Những ông nghệ triều Lê

số 6

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

BIA Văn-miếu với sử *Cương-mục* (chính-biên, quyển 17, tờ 22 a) đều chép năm Đại-bảo thứ ba (tức là năm 1442) mới bắt đầu đặt lệ dựng bia đề tên những ông « tiến-sĩ cập-đệ », « tiến-sĩ xuất-thân » và « tiến-sĩ đồng-xuất-thân ».

Nhưng về triều Lê, trước năm Đại-bảo, đã có vài khóa thi, tưởng nên kê ra đây nhân thế, đề ghi tên các bậc danh-thần và các nhà văn-học có tiếng : Có ông làm nên hiền-hách như ông Đào-công-Soạn, có ông đề lại những sách-vở có giá-trị như ông Phan-phu-Tiên.

Ông Đào-công-Soạn, tên tự là Tân-khanh người ở Thiện-phẩm (Tiên-lữ). Năm bính-ngọ (tức là năm 1426, *Đăng khoa lục*, 9. 1, tờ 1 a, chép là năm Trần Thiên-khánh thứ nhất), vua Lê Thái-Tổ (1418-1433) ra chơi Đông-đô, mở khoa thi, ông đỗ đầu. Khoa ấy trúng-tuyển tất cả là ba mươi hai người (giáp-đệ 26 người, ất-đẳng 6 người); nhưng chỉ tìm thấy có tên ông Đào-công-Soạn và tên hai người nữa, là Nguyễn-Dực và Nguyễn-Vĩ (theo *Đăng khoa lục*).

Hồi đó vua Lê Thái-Tổ mới lấy được nước, sai người sang trần-tình với nhà Minh. Ông Đào-công-Soạn được cử làm Hoàng-môn thị-lang tham-tri chính-sự; đi sứ Tàu về, làm thượng-thư bộ Hộ. Năm Thuận-thiên thứ hai (1429) làm đầu-mục, sung chánh-sứ đi cầu phong và tâu về việc tìm con cháu nhà Trần. Về, làm Đông-đạo tham-tri. Năm Thiện-bình thứ nhất (1434) làm tri thẩm-hình-viện-sự. Mùa đông năm sau (1435) thăng Thẩm-hình-viện sứ, kiêm Lễ-bộ thượng-thư.

Lúc ấy sứ nhà Minh sắp sang, vì ông am-hiểu ngôn-ngữ, tường-tận điển-cổ nên vua Thái-Tôn (1433-1442) sai giữ việc ứng-tiếp. Mùa xuân năm bính-thìn (1436) lại đi chánh sứ sang nhà Minh. Mùa thu năm đinh-tị (1437) làm Môn-hạ tả-thị-lang, tham-tri Bắc-đạo hạ-tịch.

Năm giáp-tí là năm Thái-hòa thứ hai (1444), lại sang cống nhà Minh. Lúc về làm Nhập-thị kinh-diên.

Mùa hè nam kỷ-tị (1449), vì tuổi già xin trí-sĩ, vua Nhân-Tôn (1442-1457) không cho, gía cho làm Nhập-nội đại-hành-khiển, tri tam-quán-sự.

Năm Diên-ninh bính-tí (1456), vua thấy ông là kẻ lão-thần am-hiểu mọi việc, cử lên Thái-nguyên xem-xét việc bờ cõi, lúc ấy đã gần tám mươi. Phần nhiều luật-lệ quốc-triều ông soạn ra cả. Tính ông khiêm-cung kiệm-ước, không khác gì người học-trò, lại có vẻ phong-độ danh-thần, thơ rất thanh-tạo. Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (sách viết của Bác-cổ, số A 1262, 9-7, tờ 41b-42b) còn sao lại ba bài, đề là *Lão-mai, Trù-tịch cảm-hướng, Xuân-nhật phỏng hữu bất ngộ*.

Ông mất năm 78 tuổi. Con là Đào-Dung cũng đi xứ. Tăng-tôn là Đào-Nghiêm đỗ đồng-tiến-sĩ xuất-thân năm Thống-nguyên thứ hai (1523). Huyền-tôn là Đào-Phạm cũng đỗ đồng-tiến-sĩ xuất-thân năm Chính-trị thứ mười một (1568) (Chép theo *Lịch-triều hiến-chương*, 9-7; *Toàn-Việt thi-lục*, 9-7; *Đại-Nam nhất thông chí*, *Hưng-yên tỉnh*, tờ 15 b; *Đăng khoa lục*, 9-1, tờ 1 a).

Năm kỷ-dậu là năm Thuận-thiên thứ hai (1429), mùa hè tháng năm, thi khoa « minh-

kinh ». Vua Lê Thái-Tổ « chiếu cho các quan trong ngoài tự tứ phẩm trở xuống, cùng những quân-nhân ở mọi phủ mọi lộ, và những kẻ sĩ-phu ẩn-dật ở chốn sơn-lâm, ai thông kinh-sử, giỏi văn-nghe, hết thầy cho đến tỉnh-đường ở kinh-đô hội thi » (*Đăng khoa lục*, 9. 1, tờ 1 a). Không rõ danh số các người trúng-tuyển, duy còn chép lại tên ông Triệu-Thái (xem *Tri-tân*, số 26, trang 12), ông Trình-thuấn-Du (xem *Tri-tân*, số 27, trang 9), ông Phan-phu-Tiên và bốn ông nữa sẽ kể sau.

Ông Phan-phu-Tiên, người làng Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Sơn-tây ngày xưa. Đỗ Thái-học-sinh khoa Quang-thái nhà Trần (1396), lại đỗ khoa « minh-kinh » năm Thuận-thiên nhà Lê (1429). Làm quan ở viện Quốc-sử (theo *Đại-Việt sử-ký*, mục-lục, tờ 11 a), sau ra làm An-phủ-sứ ở Thiên-trường (*Toàn-Việt thi-lục*, 9-10, tờ 1 a), giữ chức Quốc-tử bác-sĩ (*Cương-mục*, 9-18, tờ 28 b). Tên tự là Tín-thần, tên hiệu là Mạc-hiến. Soạn bộ *Đại-Việt sử ký* (tiếp theo *Sử ký* của Lê văn-Hựu, quãng nhà Trần, 1225-1493, từ Trần Thái-Tôn đến Trần Trùng-Quang-Đế) và quyển *Việt-âm thi-tập*. Quyển này ở Bác-cổ có hai bản, một bản chữ (A 1925) và một bản nôm (A B 7). Bản nôm chép một bài vịnh Văn-miếu như sau này :

Thần - minh dòng trước nẻo
Thương Thương,

Thư ngọc lâu-lầu sớm ứng
tường.

Đức cả hồn-toàn so Thái-cực.
Đạo màu tinh-túy sánh tam

quang.
Giáo là đàn hạnh còn vang đặc.

Phép đề Kinh Lân hãy sáng
guơng.

Nền mở thái-bình nhuần lấm
cỏi,

Thử hình thức-thực đối thiên-
trường.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN TỔ

Thành Bắc-ninh với giặc Ngô-Côn

DƯỚI triều vua Tự-đức, quanh thành Bắc-ninh có nhiều đám giặc nổi lên quấy nhiễu: nào Nguyễn-đình-Cúc (1) tự xưng là Lê-Duy-Khang nào giặc Cai-Vàng (2), nào giặc Ngô-Côn. Trong bài này tôi chỉ nói đến giặc Ngô-Côn.

Sau khi dẹp tan giặc Cai-Vàng được vài năm, thì xứ Bắc-kỳ lại có các đảng giặc tàn: giặc Cờ Vàng, giặc Cờ Đen. Quân triều phải đi tiêu-trừ các đảng giặc này, mỗi khi thua lùi, đều đóng tại thành Bắc-ninh.

Vì vậy, Bắc-ninh thường biến thành nơi chiến địa! Trận nguy hiểm nhất gây nên bởi bọn giặc Ngô Côn.

Theo như thiếu tá Cau nói trong quyển *Địa chí Cao-bằng* thì đám giặc kéo đến từ Quế-sơn-châu, với một vạn quân. Trong đám quân ấy có cả Lương tam-Kỳ, người sẽ xưng bá ở Chợ Chu và Lưu-vĩnh-Phúc, tướng giặc Cờ-Đen sau này, Lưu-Vĩnh-Phúc lúc ấy lĩnh chức tiên phong đội-trưởng.

Năm 1868, quân giặc vây thành Cao-bằng, và đánh bại quan-quân. Triều đình phải phái quan Bình-khẩu tướng-quân Đoàn-Thọ đi tiêu. Quân triều chia làm ba đạo: Đạo Lạng-Bình (Cao-bằng, Lạng-sơn) tiêu giặc, còn hai đạo Thái-nguyên và Tuyên quang thì giữ việc tuần phòng.

Kịp đến năm 1869, hai đạo quân Bắc-ninh và Thái-nguyên hợp nhất, rồi đến năm 1870, gồm cả đạo Lạng-sơn đặt dưới quyền quan Đoàn-Thọ.

Mặc dầu hai đạo quan quân đã hợp làm một, giặc Ngô-Côn cũng

kéo đến vây được thành Bắc-ninh.

Thiếu-tá Cau thuật rằng quân Ngô-Côn bị quan quân đánh lui ở Bắc-ninh, và chính Ngô-Côn thì bị thương ở trận ấy. Khi thua, quân giặc chia làm hai bộ, một bộ chạy về mạn Đông-khê và một bộ chạy về Thái-nguyên. Ngô Côn lui về đến Thái-nguyên thì chết.

Trái với những điều nói trên ông G. Destenay lại nói ở trong quyển *Thái-nguyên địa chí* rằng giặc Ngô-Côn qua Thái-nguyên, qua chân Đại-từ và các nơi Phồ-yên, Phú-bình, tiến đến lấy được thành Bắc-ninh.

Nguyên đảng giặc Thái-bình bên Tàu bị nhà Thanh đánh đuổi khỏi địa phận các tỉnh Vân-nam và Quảng-tây, còn dư đảng lại tràn sang Nam-việt tung hoành quấy rối! Triều đình Huế bấy giờ nhờ quân Trung-hoa dưới quyền chỉ-huy của Đề-đốc Phùng tử-Tài tiêu-trừ họ. Sau nhiều trận đánh nhau, giặc Ngô-Côn bị tan vỡ và Ngô Côn bị chết năm 1870.

Hai thuyết trên đều có thể tin được cả, nhưng theo như các giấy má lưu trữ tại tòa sứ Bắc-giang (3) thì lại khác:

Năm 1864, niên hiệu Tự-đức thứ 18, giặc Thái bình chạy sang ẩn nấp ở dãy núi Cai kinh, dưới quyền chỉ huy của Ngô Côn. Bọn này quấy nhiễu khắp vùng Yên thế.

Ông Ích Khiêm bấy giờ đương trọng nhậm ở Hải dương, được cử đi tiêu giặc với chức Tiểu phủ Sứ. Ông đắp các đồn khắp vùng Yên thế ở Quỳnh động, Bái hồng, Hương-vị và Mộ trang.

Sau nhiều trận ở Đèo Cả, Bồ hạ và Hữu lũng, giặc chạy về phía Bắc ninh và định chiếm cứ thành này, nhưng bị quân của Ông Ích Khiêm đón đánh. Thế là giặc tan và Ngô Côn bị chết ở đám loạn quân.

Truyện giặc Ngô Côn cũng như nhiều truyện khác trong lịch sử ta, còn rất nhiều chỗ mập mờ, vậy mong các bậc học giả đề tâm mà khảo cứu cho rõ rệt kẻo còn những điều lầm lẫn trong sử ký.

TOAN ANH

1) Về giặc Nguyễn-đình-Cúc, xin coi ở truyện « Vợ Tuần Thiện » trong cuốn « Nam quốc nữ lưu » của ông Sở-Cường, trang 43-44.

2) Xin xem bài « Cai Vàng là người thế nào? » của ông Tiên-Đàm trong Tri-Tân số 25, trang 8.

3) Tờ trình của quan Công - sứ Quennec.

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine (Septembre 1939 — Jain 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bóng Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

PHÊ BÌNH

NGƯỜI BẠN GÁI

(Tiểu-thuyết của Thiệu-Sơn)

LÊ-THANH

TÔI nhớ cách đây bốn năm, nhân ông Thiệu-Sơn ra Bắc chơi, ông Thái-Phỉ có cho chúng tôi gặp ở một khách-sạn, bữa cơm thân mật có ba người.

Trong khi đàm luận, phần nhiều về những câu truyện phê bình, tôi tỏ ý nhận thấy nhiều tình cảm ở lời văn cũng như ở lời nói của ông. Nếu ông đem những tình cảm ấy làm tài liệu xây một tiểu thuyết, chắc ông không bị thất bại.

Vừa rồi ông cho xuất bản quyển *Người bạn gái* (1), tiểu thuyết mà tôi chờ đợi. Và tôi đã không làm trong sự phán-đoán.

Người bạn gái là một truyện tình cảm của một người từ trước đến nay chỉ quen trình bày trên giấy những cái gì thuộc về lý trí và tư tưởng.

Vì vậy, ta đừng chờ ở tác giả, một cốt truyện ly kỳ, một cốt truyện « tiểu thuyết », theo nghĩa người ta thường hiểu. Đây chỉ là sự giao thiệp thanh tao của Hoài Nam, một văn sĩ trẻ, với « Lê Châu, một người con gái có nhan sắc, có học thức rất tự nhiên trong đường giao thiệp »; Hoài Nam kém Lê Châu bốn tuổi.

Lê Châu cho Hoài Nam mượn một bản dịch đại học, một dịp để Hoài Nam viết cho Lê Châu một bức thư :

« Có đối với tôi mới buổi sơ-giao mà đã có lòng thành thực đằm thắm như một người nhà, quý mến như một người bạn. Cái thịnh tình hậu ý đó, tôi thật lấy làm cảm kích, và không thể nào dám đem một tấm lòng lạnh nhạt sẵn có, đối với đời, mà đối với cô được. Sau khi đã đọc hết quyển Đại học, tôi chẳng quản tài hèn trí mọn, viết bài tiểu luận này, để cô dùng xem, chỉ là muốn đáp lại

trong muốn một cái hậu tình của cô » (trang 11).

Một bức thư cảm ơn có cái công dụng một bức thư tình đầu tiên của một người đa cảm.

Rồi hết bức thư ấy đến bức thư khác, hết cuộc đàm-luận ấy đến cuộc đàm-luận khác, đối tượng không ngoài văn-chương và tư tưởng.

Thỉnh-thoảng một cuộc biệt-ly nho-nhỏ, những nhúm ngày phải xa bạn để dưỡng bệnh.

Họ tặng nhau những gì, không phải những mớ tóc, những tấm khăn, các thứ đắt tiền như ta thường thấy trong nhiều tiểu-thuyết, họ tặng nhau mấy bài danh văn của Thánh-Thán :

« Một bài khóc người đời xưa.

« Một bài tặng người đời sau.

« Một bài phép đọc Táng-sương-ký.

« Còn nhận có câu : « Làm một người văn-sĩ mà trên án sách không có quyển Táng-sương-ký thì chưa khỏi vòng trần tục.

« Tôi không muốn quý hữu (Hoài Nam) khỏi hẳn vòng trần tục, nhưng thực vì quý hữu, không muốn để quý hữu còn có bận chút đỉnh bụi trần. Dầu bạn chưa có quyển Táng-sương-ký, nhưng biết phép đọc Táng-sương-ký, của ông Thánh-thán, thì cũng hầu như có quyển Thánh-thán Táng-sương-ký rồi vậy.

Quý hữu ơi ! Bọn ta cơ lữ trên đường hán học, biết có ngày theo được cái bụi sau xe của các bậc tiền-nho, để buổi xuân sớm, lúc thu khuya, cầm quyển Táng-sương-ký, ngấm đọc cho thật giải trần thoát tục được chăng. —

Lê Châu bái bái »

Hoài Nam phải đi xa, sau bao nhiêu năm long-đông trên con đường công-danh. Hoài Nam nhận được bức thư của chị Lê-Châu nói

Lê Châu đã lấy chồng. Hoài Nam dự-định cùng một nữ-sĩ khác lập một gia-đình nho nhỏ.

Hai chị em Lê-Châu vào Saigon để mừng Hoài Nam và để cho Hoài Nam biết rằng Lê Châu vẫn chưa có chồng. Lê Châu đã quyết-định theo một con đường nhưng « không thể dặt Hoài Nam đi theo con đường đó... phải chờ Hoài Nam cộng thành danh toại rồi mới dám theo chí hướng của mình ».

Và « tôi không có gì mừng hai bạn, Lê Châu nói, hơn là quyền Phật-giáo đại-quan mà tôi mua đã từ ba năm nay chỉ chờ có ngày nay tặng bạn ».

Cốt truyện chỉ có thế.

Đọc, ta có cảm-tưởng giao-du trong một cảnh êm-lặng nhưng nên thơ giữa một mùa thu, lạc vào một thế-giới hoàn-toàn lý-tưởng.

Tôi đã được nghe người ta nói nhiều về quyển « Người bạn gái ».

Người ta bảo viết tiểu thuyết bằng lời văn nhật-ký là một lối dễ-dãi, một sự lười-biếng; một nhà văn trong nghệ-thuật không bao giờ nên dùng cái thể văn ấy để viết tiểu-thuyết. Có lẽ người ta có lý.

Song cái lý ấy không phải là cái lý tuyệt-đối. Ông Thiệu-Sơn đã được lợi những gì khi ông viết tiểu-thuyết của ông bằng thể văn nhật-ký ?

Trên kia tôi đã nói, ông là một nhà phê-bình sống với tư-tưởng nhiều hơn là sống với tình-cảm. Ông viết nhật-ký để ông có dịp xen rất nhiều tư-tưởng vào bên tình-cảm của ông. Ta hãy đọc :

« Ông này, (Auguste Comte) chẳng những là một nhà triết-học, mà còn là một nhà triết-học thực nghiệm nữa kia. Ông khảo về khoa học một cách kỹ lưỡng, rắp tâm dùng khoa học làm căn bản cho văn minh, và được nhiều nhà triết-học đại gia, như Littré ở Pháp, Stuart Mill ở Anh khâm phục và coi như một vị tôn sư. Nhưng tình cờ... » (trang 44).

Còn ai bảo là một đoạn trích trong một tiểu-thuyết; ở bất cứ

xem tiếp trang 16

(1) Công-Lục xuất bản.

TIẾT NĂM
THIÊN - LÃO

ÔNG là một vị thiện - sư ở chùa Trùng-minh trên ngọn núi Thiên-phúc, huyện Tiên-du. Người

QUỐC - HỌC THU - XÃ
Đã phát hành
THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ,... đều phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng thức được hết cái hay, cái đẹp của thơ... Giá 0p 48

Sách TẾT của Quốc-Học Thu-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, khác hẳn các sách, báo TẾT từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bày, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi-vị êm-dềm của ngày TẾT và của mùa XUÂN.

Có ăn TẾT với «TRĂM HOA» mới hưởng được hết các thi-vị của ngày TẾT. Gia-đình nào cũng phải có «TRĂM HOA» trong ngày TẾT (Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước tự giờ).

ĐUÔNG IN
TÂM NGUYÊN
T Ừ - Đ I È N

Giấy thường 2 p. 80
Giấy bouffant 3 80
Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5 00

(Loại sách giấy bouffant dành cho các bạn đặt tiền mua trước tự giờ, các hiệu sách không bán).
Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HÒE
Giám-đốc QUỐC-HỌC THU - XÃ
16 bis Rue Tsin Hanoi

ta không rõ tên, họ là gì, nên chỉ kêu là Thiên-lão thiên-sư.

Ban đầu, tham đạo nơi sư Đa-Bảo chùa Kiến-sơ, ông lĩnh ngộ được những điều tâm yếu. Rồi, ông cắm gậy tích tu ở chùa Từ - sơn, gậy ở đương-thời một phong-trào thiên-học : có hàng vài nghìn đệ - tử đến thụ giáo, làm cho cảnh chùa đó nổi tiếng là một nơi tốt-tươi, rực rỡ trong Tùng - lâm.

Khoảng năm Thông - thủy (1034 - 1038), chính vua Lý Thái-Tông thường đến chơi chùa đó và nhờ ông, ngài ngộ được yếu-chỉ đạo Phật.

Ông có những câu khoáng-dạt và thanh-cao như :

Chỉ biết ngày tháng rày,
Nào hay xuân thu cũ, (Dịch)
và :

Tre biếc, cúc vàng, quên ngoại cảnh;
Trăng trong, mây trắng lộ toàn chân. (Dịch)

Mấy câu đó mộc - mạc mà thâm-fràm, bóng-bẩy mà thanh thoát, tả rõ được tâm-tính con người tự - tại tiêu - dao. Tiếc rằng ngoài mấy vần ấy ta không được thấy thêm gì nữa !

Khi vua Lý Thái - Tông sắp sai sứ-giả đến chùa đón ông vào cung để làm cố - vấn thì ông đã tịch từ trước rồi. Vua thương tiếc lắm, có làm bài thơ đề viếng ông.

TIẾT SÁU
CỨU CHỈ

Họ Đàm, người làng Phù-đàm, huyện Chu-minh, từ bé đã có tính ham học. Vì vậy các sách nho, thích, ông thông suốt cả.

Một bữa, sau một cơn tinh-thần khủng-hoảng, ông thấy

TÙY HƯNG

Dịch thơ Tào

Vịnh kiến căn nhau

(Nguyên văn chữ hán của Trần-Mật-sơn tiên sinh chép trong Tù viên thi thoại quyển 6)

Thoái thực triển lương nghịệp,
 Tiếu-dao bộ thạm viện :
 Thụ căn kiến quẩn nghị
 Phán phán phương giao chiến
 Hồ đồng tiền bổ tịch,
 Phất dĩ quĩ bồ-phiến,
 Khoảnh-khắc duyên thảo côn,
 Cầu huyết các bôn-soán.
 Y hữu ký-sự-thần,
 Tái bút ứng thượng-diện.
 Đại thư mỗ nguyệt nhật,
 Lương quân chính tương kiến,
 Hốt nhiên phong dương sa,
 Sư hội, hổ đáp tiển,
 Thu đội các y lữ,
 Súc nhuệ các tứ tiện.
 Nhân sinh diệp lóa trùng,
 Nhiều nhiều dĩnh xích huyện,
 Thị dục các hữu cầu,
 Tình nguy độ tương phiến.
 Thôn phê xuân nhiên động,
 Cát hung kiến thường biến.
 Khổ-l vô phi-tiên-nhân,
 Thừa loan chú hà miễn ?

Dịch :

Cơm bữa vừa xong, dậy vội-vàng;
 Lăn theo thắm-viện bước xanh-xang,
 Bên cây bỗng thấy hai đàn kiến,
 Chia phái tranh đua tựa chiến-trường,
 Bảo con giải chiến ngồi xem chơi,
 Liền đem chiếc quạt quạt toì bời :
 Cả bầy thấy gió đua nhau chạy,
 Tìm huyết, trèo cây, trốn khắp nơi.
 Kiến này chắc cũng có sử-thần,
 Đem việc biên chép trịnh quốc quán.
 chép rằng : « Năm nọ ngày tháng nọ,
 « Hai nước chiến-đấu sức còn cân ;
 « Cát bay bỗng gặp trận cuồng-phong
 « Tán loạn đua nhau chạy tứ tung
 « Tạm hãy rút lui về đội ngũ,
 « Thừa cơ sẽ có buổi giao-phong ».
 Gẫm vật, nhân suy đến giống người :
 Đàn đàn lũ lũ ở đây nơi ;
 Vì lòng ưa muốn, sinh tranh cạnh.
 Xảo-trá lừa nhau mãi suốt đời...
 Giành cướp nào ai chịu kém ai,
 Hơn thua thành bại chỉ trò chơi !
 Người tiên cuối hạc xa trông xuống :
 Ngán nỗi ganh-đua, phải bật cười...
 LỊCH-VIÊN

Dịch, thơ Tây

La dernière feuille

Dans la forêt chauve et rouillée
 Il ne reste plus au rameau
 Qu'une pauvre feuille oubliée,
 Rien qu'une feuille et qu'un oiseau

Il ne reste plus dans mon âme
 Qu'un seul amour pour y chanter,
 Mais le vent d'automne qui brame
 Ne permet pas de l'écouter.

L'oiseau s'en va, la feuille tombe.
 L'amour s'éteint car c'est l'hiver.,
 Petit oiseau, viens sur ma tombe
 Chanter quand l'arbre sera vert.

T. Gautier

Chiếc lá cuối cùng

Rừng trơ-trụi và nhuộm màu han-rỉ,
 Trên cành còn sót lại một lá thôi,
 Lá đáng thương chưa rụng nốt cho rồi,
 Ở quên lại cùng con chim bé tí.

Trong hồn ta cũng chỉ còn nán đợi
 Một tình gêu lên tiếng hát ca vang
 Nhưng gió thu gặm thét, gió thu sang
 Lâm át điệu tình ca, người chẳng thấy.

Chim bay đi, chiếc lá cũng lìa rơi,
 Tình hết hẳn bởi đông về trên đó,
 Khá đến đậu mồ ta, này chim nhỏ,
 Mà hát ca khi cây cối lại xanh tươi.

ANH-HẬN

Văn hành công khí

Đâu phải là sự mới phát-
kiến của vài ông ấy !

TRONG một tờ báo « văn-chương » gần đây có bài phê bình quyển *Thi văn bình chú* của ông Ngô Tất-Tổ do nhà in Tân-Dân xuất bản. Trong bài, bình-giả, ông Thượng-Sĩ, khen ông Tổ đã có công đối với văn-học ở sự tìm tòi ra được vài điều mới mẻ : một là bài thơ « Bán than », từ trước đến nay người ta vẫn bảo là của ông Trần Khánh-Giur đời Trần, nhưng nay ông Tổ đã tra cứu trong sách « Tang thương ngẫu lục » để chứng thực rằng đó là bài thơ của một ông trong đám di-thần đời Lê. Một là bà công - chúa Ngọc - Hân, trước nay người ta vẫn cho là sau khi triều Tây-sơn mất, bà lại về làm cung-phi vua Gia-long, nhưng nay ông Tổ tra cứu ra thì bà Ngọc-Hân không hề biết mặt ông vua sáng nghiệp của triều Nguyễn.

Tôi cũng nhận rằng « Thi - văn bình-chú » là một quyển đáng có ở trong các tủ sách. Song cái giá - trị của nó, thiết tưởng không phải ở hai điều trên ấy, mà chỉ ở chỗ biên giả đã chịu khó chú giải các bài danh-thi danh-văn của người trước một cách kỹ lưỡng, giúp ích cho người xem được nhiều. Giá trị của nó chỉ ở chỗ ấy thôi, chứ như vài điều trên đây, tuyệt nhiên không đem đến thêm cho quyển sách ấy chút giá trị nào vì đó không phải là sự mới tìm tòi ra của biên-giả.

Về bài thơ « Bán than », từ năm 1939, tôi đã thấy trên tờ « Nước nam », ông bạn Hoa-Bằng, cũng căn cứ ở sách « Tang-thương ngẫu lục », hợp thêm với ý-tưởng của mình, phê-phán bài ấy là thi - phẩm của cuối đời Lê chứ không phải của Trần Khánh-Giur đời Trần, vì Trần-Khánh-Giur sinh vào khi văn quốc ngữ mới phôi thai, không thể có được bài thơ nhẹ nhàng đẹp đẽ thế

(1). Bài này của ông Hoa-Bằng đăng ở « Nước nam », mà « Tao-đào tạp chí » số 9 và 10 ra ngày 18-7-1939 đã có trích-lược.

Đến như chuyện bà Ngọc - Hân công-chúa, trừ ra một số rất ít người không xét kỹ, thực thì cũng chẳng mấy ai tin là bà lại lấy vua Gia-long. Nhưng dù có người tin như vậy, thì sự tìm tòi ra chứng cứ để mà bác lại, tôi tưởng đó phải là công của ông Sở-Bảo ở báo Trung-Bắc chủ-nhật. Vì ở Trung-bắc chủ-nhật số 53, ông Sở-Bảo đã kể chuyện ông có về làng Phù-Ninh ở Bắc-ninh là quê bà Chiêu-nghi hoàng-hậu, sinh mẫu bà công chúa Ngọc - Hân, hỏi các cố-lão thì người ta thuật lại cho nghe về chung-cục của bà công-chúa ấy. Chung cục của bà là sau khi triều đổ, nhà tan, bà cùng hai con đòi họ thay tên đi trốn nạn, về sau tiết lộ thì ba mẹ con đều bị giết cả. Sau đó đến báo Tri-Tân số 15, xuất bản tháng 9 năm 1941, ông Tam-Gia trong bài « Anh hùng với giai nhân », cũng lại thuật theo lời ông Sở-Bảo về cái chung - cục của bà Ngọc-Hân công-chúa như trên này.

Thế thì hai điều trên đây đều do những người khác đã tìm-tòi ra mà người biên-soạn « Thi văn bình chú » chỉ là thuật theo, vậy mà bình-giả bảo là công « tìm-tòi riêng » của ông Ngô Tất-Tổ, thật là quá vội-vàng mà không xét kỹ.

Lại ở T.T.T.B, số 391 ra ngày 13-12-1941 mới rồi, có bài « Mạc Đĩnh Chi sống hơn 200 tuổi » của ông Vân-Anh. Trong bài này, tác giả cộng kích ông Phan Kế-Bính viết quyển « Nam hải dị nhân » đã đem những câu đối vu vơ mà gán cho ông Mạc Đĩnh Chi. Tác giả chỉ ra câu đối có những chữ « Thiên sinh Gia-tĩnh hoàng-đế » để làm cái chứng cứ gán gáp

vu vơ. Vì nếu quả câu đối ấy của ông Trạng Mạc thì ra ông lại đi sù vào đời vua Gia-tĩnh nhà Minh. Ông Trạng Mạc sinh ở đời Trần nước ta, đến mãi đời Minh Gia-tĩnh ông hãy còn trẻ mà đi sù thì ra ông sống lâu đến những hơn 200 tuổi.

Sự bẻ bác này rất đúng, tôi xin công nhận thế. Nhưng có điều rằng trước ông Vân-Anh, đã có người đem câu đối « thiên sinh Gia-tĩnh hoàng-đế » để bẻ bác nhiều rồi. Người ấy là ông bạn Trúc-Khê.

« Văn học tạp chí » số 32 ra ngày 1 tháng 2 năm 1934, trong một bài thảo luận về vấn đề văn học của ông Trúc-Khê, ông có đề mấy dòng cước chú, bác câu đối này không phải của cụ Mạc Đĩnh-Chi, vì có 4 chữ « Gia-tĩnh hoàng-đế » làm chứng Rồi đến « Khuyến học tạp chí » số 16, trong bài « Cái tây », trở những chỗ lầm trong quyển « Nam-hải dị-nhân » của ông Phan Kế-Bính, ông Trúc-Khê cũng có nói đến câu đối này với mấy dòng như sau :

« Đối câu đối này, về dưới có lời chắc tụng vua Gia-tĩnh, đủ chứng rằng đó là do một người nào làm về đời Gia-tĩnh, tức là về đời vua Thế-Tôn nhà Minh Vua Thế-Tôn nhà Minh làm vua từ năm Nhâm-ngọ, lịch tây là 1522, đến năm Bính-dần, lịch tây là 1560, so với sử ta thì ở vào khoảng từ năm Quang-thiện thứ 7 đời vua Lê Chiêu-Tôn, đến năm chính trị thứ 9 đời vua Lê Anh-Tôn. Vậy mà cụ Mạc Đĩnh-Chi thì là người đời Trần, bên Tàu khi ấy đương đời Nguyên, trước đời Gia-tĩnh đến hơn 200 năm, có sào cụ Mạc Đĩnh-Chi lại có câu đối chúc tụng vua Gia-tĩnh ? »

Lại ở « Phổ-thông bán-nguyệt-san » số ra vào hồi mùa hạ năm 1938, tại mục « Hiệư đình cổ văn », ông Trúc-Khê cũng nhắc về chuyện

1) Mà trước đây, ông Hoa-Bằng cũng đã có nói đến chuyện này trên tờ Tân Văn Tuần Báo (Nam kỳ) số 62, ra ngày 19 Octobre 1935 dưới cái đầu đề : « Bài thơ bán than của ai ? »

câu đối ông Mạc Đình-Chi, có nói rằng ;

Trong những sách « Nam-hải di nhân » và « Văn đàn bảo-giám » chép về văn chương ông Trạng Mạc Đình-Chi đều có chép một câu đối trong có những chữ Thiên-sinh Gia-tĩnh hoàng-đế. Tôi đã có dịp phân đối hai quyển ấy biên chép một cách mơ hồ, vì đời ông Trạng Mạc đã làm gì có vua Gia-tĩnh ! Vua Gia-tĩnh còn phải sinh sau độ vài trăm năm nữa. Nhưng thực ra, hai quyển sách ấy chỉ có cái lỗi manh tông, chứ gốc sự sai lầm thì bởi tự « Công dư tiếp ký ».

Đó, về chuyện 'câu đối này, ông Trúc-Khê đã có nhiều dịp nói tới như vậy. Ông Văn-Anh bây giờ nói đến, chỉ là nói cái việc người trước đã nói nhiều rồi. Thế mà trong bài ông lại có những câu thế này :

« Trong việc họ làm « vật rầu ông nọ cảm cảm bà kia » có một chỗ đáng buồn cười, hình như thừa giờ không ai chịu đề ý, vì chưa nghe ai nói đến. Chỗ buồn cười nằm ở trong câu đối dài mấy thước này... »

Người ta không thể không bật cười về mấy câu nói này của ông Văn-Anh.

ĐỖ-GIANG

Số xuân TRI-TÂN (Nhâm-ngọ, 1942)

Họa-sĩ Trịnh-Vân sẽ trình bày một bức tranh mỹ-thuật dưới ngòi bút đầy màu sắc và tài ba.

Mạnh-Phan và Khái-Sinh sẽ hiến các bạn thân yêu những thiên truyện ngắn rất lý thú.

Mai-văn-Bộ và Lưu-hữu-Phước sẽ tặng những bạn ưa âm-nhạc một bản đàn tây phổ theo lời thơ của một danh-sĩ.

Lê-Thanh sẽ có một món quà « văn học » rất đáng chú ý.

Hoa-Bằng sẽ có một tặng-phẩm bằng « lịch-sử » rất khó tìm và hiếm thấy.

Các bạn độc giả, quý mến lại sẽ không thể bỏ qua được những bài rất công phu của Nhật-Nham, Tiên-Đàm, Văn-Thạch, Trúc-Khê, Chu-Thiên, Minh-Tuyền, Nhàn-Nghĩa v.v.

Người bạn gái

Tiếp theo trang 11

một tiểu-thuyết nào có lẽ những đoạn văn ấy đã giết chết ba phần tư tiểu-thuyết rồi ; nhưng đây không những nó vô hại mà còn gây cho tiểu-thuyết một màu sắc đặc biệt, một tình yêu, đáng lẽ đáng khinh thường đã trở nên thanh tao như chính văn chương và tư tưởng.

Người ta bảo văn của ông Thiều Sơn cổ quá :

« Người ta lấy phá quý, vinh hoa, lầu son gác tía làm lãi, vợ đẹp con khôn, danh cao bông hậu làm lãi. Mà ta thì, nổi nhà tan tác, nổi mình lênh đênh, muốn đem một tấm lòng đến bồi non nước chưa chắc sẽ được gì. Bông dân sắp xếp, còn thơ thần ở chốn giang hồ, ngấm nước triều lên xuống, nghĩ đến câu : « trai trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thế bóng tà dương », mà tấm can trường càng như nung nấu !

« Qui hữu ơ ! Người ta nói mừng tuổi... » (trang 106).

Trách như vậy là không nhận được dụng ý của tác giả. Ông Thiều Sơn, người đã viết được lối văn vừa mới mẻ vừa nhẹ nhàng trong « Phê bình và cáo luận », làm sao ông lại không viết được như vậy trong *Người bạn gái* ? Chỉ vì ông muốn giữ cho văn ông cái đặc sắc của mối tình ông tả. Đây là một mối tình mười lăm năm về trước 1925-1930. Những vai chủ động là những người bạn trung thành của Mộng-Hà, Lê-Anh, Đạm-Thủy, Tố-Tâm... Lời nói và hành động của họ nhất nhất phải hợp với thời đại ấy.

Giữa lúc mà qua hàng sách, ta thấy nhan nhản những tiểu thuyết son trẻ, đọc không mấy trang là không thấy những tiếng đáng lẽ người ta chỉ có quyền nói ra bằng một giọng thầm kín, ta có một quyền tiểu-thuyết với một cốt truyện đứng đắn kể bằng một giọng trang nghiêm như quyền « Người bạn gái » để đọc, tôi tưởng là một việc không dễ vậy.

LÊ-THANH

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi dân Đại-pháp và Đông-dương, anh em hãy nhớ rằng « chúng ta đã chia sẻ gánh nặng « với nhau từ bao lâu rồi.

« Trên khắp giải đất Đông-dương, đâu đâu cũng thấy ghi « dấu một sự hợp tác giàu về nỗ-lực, đầy kết quả hay.

« Giữa buổi gian truân này, « sự đoàn-kết bất diệt và hữu-ái là cái lẽ tối cao để hy-vọng « vào nước Pháp vĩnh-viễn ».

Tin văn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Tổng tư lệnh quân Phi-luật-tân thu hẹp các phòng tuyến ở phía bắc Manille. Quân Nhật đã chiếm khu đường xe lửa phía nam tiến lên kinh thành Manille. Nhật không nhận Manille là kinh thành bỏ ngỏ.

Thành-phố Ipoh sản nhiều thiếc nhất đã bị mất về Nhật.

Anh - Mỹ lo giữ chung quân-cảng Tân-gia-ba.

Các đại-sứ Nhật ở Mỹ sắp trở về nước.

Uông tinh-Vệ khuyên Tưởng giới-Thạch nên bãi chiến.

Nhật sẽ vây Tân-gia-ba và sắp đánh Nam-dương quần-đảo.

Manille thất-thủ đến nơi, quân Nhật còn cách 20 hải-lý. Có lẽ Mỹ sẽ hạ khí-giới để kinh-thành Phi-luật-tân khỏi tàn phá. Đường thông-diện với Hoa-kỳ bị đứt. Chiến-thuyền Nhật đánh vào đảo Celebes và Menado ở Nam-dương.

Tại Mã-lai có kịch chiến ở phía nam Ipoh / Tân-gia-ba bị ném bom. Quân Nhật chiếm Kuantan ở bờ bể phía đông. Nhiều củ-lao của Anh-Mỹ ở Thái-bình-dương bị đánh.

Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn định Mỹ thống-xuất trận Thái-bình-dương.

Úc sắp lập nội-các quốc-gia. Hội-nghị liên-bang Mỹ-châu sắp họp. Ông Lindbergh tình-nguyện giúp nước.

Hương-cảng lại hoạt-động như cũ.

Thuộc-quốc Anh ở Úc-châu

NHẬT-NHAM

NĂM 1788, người Anh di-cư đến miền duyên-hải phía đông hải-đảo Úc-châu, rồi đặt trên vịnh Botany Bay vịnh của nhà Hoa-thảo-học — tỉnh-thành Sydney để phát-lưu các tội-nhân khổ-sai. Sau thấy địa-thể rất thuận-lợi cho việc chăn nuôi, nhiều thực dân kế-tiếp nhau đến miền Kiền-cư tại miền nam mỗi ngày một đông, tồ-chức thành một thuộc-địa đầu tiên, lấy tên là xứ Nouvelle Galles miền nam.

Lần-lượt từ 1829 đến 1859, quanh đảo Úc-châu, bốn thuộc-địa khác thành-lập, mỗi thuộc-địa có một Chính-phủ riêng.

Công-cuộc di-dân rất trì-chậm cho mãi tới ngày phát-kiến được mỏ vàng tại thuộc-địa Victoria (1851): chỉ trong vòng bốn năm đã có tới 5 triệu dân di-cư tới đó.

Rồi chẳng bao lâu, tại Úc-châu, có hơn hai mươi triệu người Âu khai-khầu các mỏ vàng, mỏ đồng, mỏ than đá, và chăn nuôi súc vật.

Úc-châu là một cao-nguyên hoang-vu ở giữa, phía đông có núi cao từ 1800 đến 2000 thước tây gọi là Alpes của châu Úc. Một con sông to, sông Murray, phát-nguyên từ dãy núi này, chia làm nhiều chi-lưu chảy qua các khu-vực phì-nhiều.

Trên một khoảng đất rộng 793 vạn cây số vuông, có 5.437.000 dân bản-xứ sinh-nhai về canh nông, súc-mục, săn-bắn, chài-lưới, v. v.

Úc-châu chia làm Tây-Úc, Nam-Úc, Bắc-Úc và các tỉnh Vitoria, Queensland, Nouvelles Galles miền nam. Năm 1901, các xứ ấy hợp thành một liên-bang tự-trị

dưới quyền kiểm-soát của nước Anh. Kinh-đô của liên-bang là Canberra, và trong số các thị-trấn to như Melbourne, Sydney, Adélaide, Ballarat, Perth và Brisbane, riêng hai thương-cảng Sydney và Melbourne chiếm một địa-vị quan-trọng trên thương-trường quốc-tế.

Hải-đảo Nouvelle Zélande tuy thuộc châu Úc, nhưng đứng biệt-lập ngoài liên-bang. Người Anh chiếm được đảo này từ năm 1840, mấy giờ trước khi một bộ-đội Pháp cũng cùng mục-dịch, tới chinh-phục đảo Nouvelle Zélande. Quân Anh phải giao-chiến lâu với người Maoris là thổ dân rất thông-minh và cương-quyết.

Đảo Nouvelle Zélande có nhiều mỏ kim-khí, riêng đất phì-nhiều, nên dân-cư phồn-thịnh, dưới một chế-độ xã-hội đã có nhiều kinh-nghiệm.

Hai quần-đảo Zélande cách nhau một eo biển gọi tên là eo-bể Cook. Địa-thể 268 264 cây số vuông và dân-số 1218 nghìn dân Néo-zélandais. Kinh-thành là Wellington.

Những thuộc-quốc của Anh tại Úc-châu, là một cái kho nguyên-liệu và quân-nhũ, đã từng góp một phần rất to trong công-cuộc kháng-chiến của Anh-đế-quốc.

Đã sẵn nguyên-liệu, lại có nhiều xưởng chế-tạo, Úc-châu đã sản-xuất một số chiến-cụ rất quan-trọng để cung cho Chính-quốc mà lại còn thừa để tự-vệ.

Quân Úc-châu, mà nhất là quân Néo-zélandais đã từng giúp Anh lập được nhiều chiến-công oanh-liệt trong các trận thủy, lục,

không quân. Mới đây chính quân Néo-zélandais đã đồ bộ chiếm đảo Timor của Bồ-đào-nha.

Cải đảo Úc-châu phòng-thủ một cách rất kiên-cố, và có một lực-lượng rất mạnh để đối-phó với thời-cực.

Sau khi quân Nhật đồ bộ gần Hương-cảng rồi chiếm được Quảng-đông của Tàu. Chính-phủ Luân-đôn đã từng quan tâm đến Hương-cảng, vì địa thế sẽ bị hãm trong một tình-thế cô-lập, nếu một ngày không xa phải đương đầu với mỗi cuộc tấn-công của quân địch. Nếu không lo kiến-thiết ngay một căn-cứ hải-quân ở nơi khác thì một khi Hương-cảng thất-thủ, cái thuộc-quốc của Anh trong Thái-bình-dương sẽ như tượng đề đầu đẳng!

Vì vậy, Anh mở quân-cảng Darwin trên bờ biển xứ Bắc Úc-châu, kiến-thiết một cách kiên-cố vững-vàng, lập thành một căn-cứ rất quan-trọng cho hải-quân Anh.

Nhiều kho tàng xây ngầm dưới đất và dưới mấy thước sâu cách mặt đất, một thành-phố kỹ-nghệ rất hoạt-động, làm việc suốt ngày, đêm. Các phần-tử của căn-cứ-địa đều giao-thông với các cơ-quan phòng-thủ đặt ngầm dưới đất. Lại thêm một trường bay rất rộng đặt ở dưới « âm-cung », có nhiều phi-cơ máy-móc, dầu mỡ sẵn-sàng chỉ chờ lệnh là cất cánh bay cao để cùng quân địch thử tài cao-thấp.

Mới đây Chính-phủ đảo Nouvelle Zélande triệu-tập một hội-nghị phòng-thủ Thái-bình-dương, tại kinh-thành Wellington, có đại-biểu các thuộc-quốc Anh tới dự.

Hội-nghị đã giải-quyết nhiều vấn-đề quan-trọng và lập các phương-pháp để đối-phó với thời-cực.

Việc cốt-yếu là phải sản-xuất thực nhiều chiến-cụ đủ cung cho cuộc chiến-tranh Thái-bình-dương. Hện-thời Chính-quốc mắc bận trên hai chiến-tuyến Châu Âu và Châu Phi, và sự vận-tải chiến-cụ từ xa lại, không những mất nhiều thì giờ, mà lại gặp nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiêm, nên không gì hơn sản-xuất ngay khí-cụ tại các thuộc-quốc là những nơi đã sẵn nguyên-liệu, lại có đủ nhân-công. Hội-ngị quyết-định mở-mang kỹ-nghệ chiến-tranh tại quần-đảo Úc và Nouvelle Zélande. Hiện nay, hai nơi này đang chế-tạo chiến-cụ rất gấp: phi-cơ, chiến-xa, súng, đạn, v.v.v...

Quỹ chiến-tranh Úc-châu năm 1939 mới có 750 triệu bảng Anh, nay đã lên tới 2150 triệu bảng Anh.

Hội-ngị Wellington đặt thêm nhiều xưởng kỹ-nghệ chiến-tranh để tăng sự sản-xuất chiến-cụ, do căn-cứ vào tờ trình của phái bộ, không quân Anh mới rồi đã đi quan-sát tình-hình Úc và Nouvelle Zélande.

Hội-ngị lại đặt một hội-đồng phòng-thủ Thái-bình-dương làm căn-cứ cho cuộc hợp-tác giữa đế-quốc Anh trong lúc thái-bình, lại làm cơ-quan kiểm-xoát và chỉ-huy trong thời-kỳ chinh-chiến,

Trong lúc Thái-bình-dương song gió âm ỉm các quần-đảo Úc và Nouvelle Zélande chiếm một địa-vị quan trọng trong đế-quốc Anh,

NHẬT-NHAM

Vì việc xếp-dặt trong nhà in, Tri-Tân bước sang năm 1942 này ra ngày thứ tư hằng tuần. Mong các bạn lượng biết

Giới-thiệu sách mới

1) **Kỷ-ức cuộc hành-trình từ Đông-dương về Pháp và từ Pháp sang Đông-dương năm 1941.** — Ông Raymond Sallé, một thương-gia có tiếng ở Hanoi, đã được cái hạnh-phúc trở về Pháp từ sau cuộc đình-chiến giữa Pháp-Đức, và lại mới sang Đông-dương, khứ hồi trên 7 vạn cây số đều được bình-rên vô-sự.

Trong khi lưu tại đất Pháp từ 6 janvier đến 6 Mai 1941, ông đã quan-sát một phần to miền nước Pháp tự-do. Khi tới Vichy, ông lại được cái vinh-dự đặc-biệt yết-kiến Thống-chế Pétain tại dinh Quốc-trưởng.

Bao nhiêu những điều mắt thấy tai nghe, bao nhiêu cảm tưởng về tình-hình sinh-hoạt của đồng bào bên chính-quốc, ông Raymond Sallé đã đem hiến công-chúng hồi 18 giờ ruỡi hôm 7 Octobre 1941 tại rạp hát tây Hanoi, trong một cuộc diễn-thuyết do quan Toàn-quyền Đông-dương Decoux chủ-tọa.

Diễn-giả đã được cử-tọa nhiệt-liệt hoan-ngheh.

Còn bài diễn-văn đầy văn-chương tư-tưởng mới đây đã đem in thành tập dày 27 trang, khổ nhỏ.

Đọc áng văn kiệt-tác ấy, lại tưởng đến nước Pháp vừa qua cơn sóng gió, lại nghĩ đến bao người đang theo gương Thống-chế Pétain đem hết tâm-lực để lo phục-hưng lại nền-tảng xã-hội, chắc độc-giả sẽ lĩnh-hội được nhiều tư-tưởng mới lạ để phấn-đấu với mọi nỗi khó-khăn trên đường đời đương tiến bước.

2) **« Hội-chợ tháng Décembre 1941 — Thành-phố và tỉnh Nam-định »** trong có nhiều mục rất nên chú ý: Trang kỷ công, khái-luận về vấn-đề kinh-tế tỉnh Nam-định, những cộng-tác về nông-nghiệp thủy-lợi, việc giúp-đỡ những ruộng muối Văn-lý, việc di-thực tự do và việc di-thực có kiểm-xoát, khái yếu về nền kinh-tế đại-kỹ-nghệ, công-cuộc xã-hội của Chính-phủ ở thành-phố và ở trong

tỉnh, công cuộc của các cơ-quan xã-hội do tư-gia lập nên, công-cuộc xã-hội của nhà Chung, một mối hy-vọng về tương-lai.

Đọc qua các mục, ta có thể biết rõ tình-hình kinh-tế và xã-hội tỉnh Nam-định cùng sự tiến-bộ mau chóng có một không hai của một cựu trấn miền Sơn-nam Bắc-kỳ.

Sách in bằng giấy nhẵn mặt tại nhà in Viễn đông Hà-nội, có phụ nhiều tranh ảnh và nhiều bảng thống kê rất rõ ràng. Dày 48 trang, khổ-rộng Bìa có vẽ.

Thực là một tập chỉ nam cho những ai muốn biết đến thành phố và tỉnh Nam-định về phương diện xã hội và kinh tế.

3) **Pháp-Nam phục hưng** — In tại nhà in Mai lĩnh, dày 13 trang, giấy bản, khổ nhỏ. Tập văn vắn này gồm có nhiều bài thơ bay, diễn đủ những nhời Thống chế Pétain hiệu triệu thanh niên nên theo khẩu hiệu cần lao, gia đình, tổ quốc, hăng hái để kiến thiết lại nền tảng xã hội, phục hưng lại tinh thần tổ quốc.

4) **Mémorial de l'Empire** do nhà Sequana ở Paris xuất bản giấy đẹp, ngót 300 trang, giá bán 2p. ở các hiệu Taupin và Imp. d'Extrême-Orient. Trong sách nhắc lại những chiến công oanh liệt của các đoàn quân Đế-quốc Đại-Pháp — Tiền bán sách sẽ dùng vào việc cứu tế chiến tranh. Thật là một việc nghĩa rất nên tán thành.

5) **Trên đôi xim của Nguyễn khắc-Mẫn**, dày 100 trang, giá 0 p, 50.

6) **Gió đưa của Vị-Hồ**, dày 88 trang, giá 0 p, 45.

Hai quyển trên đều có thêm phần phụ và do nhà Tân-Việt xuất-bản.

Tri-tân xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu cùng độc-giả.

BÓN COI:

**TRI TÂN số xuân
Nhâm-ngọ (1942)**

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ)

SỐ 3

PHAN KHẮC-KHOAN viết

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, không, ngài là vua, là một vị quyền-năng.

TRẦN THÁI-TÔN

Quyền-năng ? Quyền-năng ?

Ta là một kẻ Quyền-năng ?

Không, là nam-nhi, ta quyết chẳng nghe xằng.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Ngài là vua, là người ban ơn vũ lộ,

Ngài là vua ; mà thần đây là : Trần Thủ-Độ.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, xin đừng lầm : đây là chỗ thiền-môn !

TRẦN THỦ-ĐỘ

Không, Ngài là vua cùng vũ trụ cần khôn

Xin mời Ngài lâm giá,

Ngự. . hồi loan cho thần đây được thỏa.

TRẦN THÁI-TÔN

Không, không,

Này tướng-công,

Tôi không bao giờ trở lại ;

Xin mời tướng-công lui,

Tôi quyết ở đây luôn, luôn mãi mãi !

Tôi đương còn niên thiếu thơ-ngây,

Tài kinh-luân không chút sẵn trong tay ;

Xin nhường lại cho ai ngồi hành-chính,

Và tất cả cơ-đồ, và bao nhiêu quyền-bính...

Không, không,

Ta không trở lại bao giờ ;

Ta còn đương niên thiếu ngây-thơ.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Nếu thánh-thượng quyết không ngự về cung cấm,

Thì thần xin thiết điện tại nơi đây.

Có gì đâu : đành dời chốn am mây

Ra điện-các để hội bàn quốc-sự.

VỊ QUỐC-SỰ

Xin bệ hạ rủ thương người tăng-lữ,

Trước Phật-tiền Thế-Tổ rất cao minh.

Bần-tang xin Hoàng-thượng ngự về Kinh

Cho triều-chính được lặng-yên trong an lạc.

Nếu am-tự đem dời làm cung-các,

Thì còn chi cảnh-trí đẹp Như-Lai ?

Thần dám đầu mang tội lớn cùng Ngài...

Xin Thánh thượng,

Hồi loan cùng quốc-trượng !

Cho trong ngoài trăm họ được yên vui.

Và giang sơn cùng tất cả những bầy tôi,

Mai mối sẽ không còn lo ngờ-ngác

Vì vắng-vẽ mình rồng nơi điện-các.

TRẦN THÁI-TÔN

Ta h ề u rồi, người đạo sĩ, bậc cao nhân :

Đã cầm cương cho tất cả những thần dân,

Ta không lẽ rời ngôi ngay trong chốc-lát.

Nhưng nếu Ngài rõ, (ao xanh ơi :

Cởi lòng ta tan-nát,

Và nếm-mô Phật Tổ Đại Từ-Bi,

Xin buông thuyền tế độ kẻ nam-nhi.

Ta không phải non lòng hay mỏng dạ,

Ta có thể không bao giờ buồn bã,

Nhưng mà cây muốn lạy gió không ngừng,

La chưa rơi mà cành gãy lưng chừng

Taôi cũng quyết hi sinh lòng nghĩa-khí :

Cầm cương tạm cho dân binh, nước trị,

Không mong gì hạnh phúc của tư duyên :

Tấm lòng ta đã trao gửi cửa thiền

Ta trở lại nơi thâm cung buồn trống-trải,

Ta trở lại cho lòng đau khắc-khoải,

Ta trở về cao ngự chiếc ngai xưa ;

Nhưng, trong tim ta, ngai gãy tự bao giờ !

Ta trở lại

Xin bãi biệt thiền môn, về mãi mãi ;

Xin gửi người đạo-sĩ chiếc cà-sa

Mấy ngày nay đã ấp-ủ tấm lòng ta.

Cao tang ơi ! xin lên đèn sáng tỏ,

Mong đức Phật từ bi ngài chứng rõ,

Độ trì cho muôn vạn kiếp sinh-linh

Đã bền gan gìn-giữ tấm trung-trình.

TRẦN THỦ-ĐỘ

Thần, thái-sư, người quốc-trượng !

Xin cam chịu tội, dầy cùng Thánh Thượng,

Vì tìm già bọc sắt, máu không rung...

Nhưng, thần vẫn hằng bền giữ dạ kiên-trung

Phường bat âm đầu rồi ? Mau tấu, nhạc

Cho Thánh-thượng ngự hồi nơi cung-các.

(Điệu dâng đàn cung)

(MÀN HẠ RỜI LẠI CUỐN LÊN NGAY)

Cảnh hai

Cũng cảnh chùa ;
 Chiêu Thánh } bạn đồ sư ni.
 Một nữ - tỳ }

CHIÊU-THÁNH

Đêm tàn,
 Rung-rinh màn,
 Màn bay lay khói nhẹ,
 Hương Tươi với gió đàn.
 Ngoài trời.
 Sương rơi rơi.
 Hương rơi rơi lệ lá,
 Châu rơi khỏi tình người,
 Tiếng gì trong khóm lá?
 Hay xa, vang tiếng đời?
 Xa rồi, người rồi...
 Thôi quên rồi!
 Cảnh đời nay chỉ thoáng xa xôi.
 Đêm tàn,
 Rung-rinh màn.
 Ngày xưa gió nhẹ rung tơ tóc,
 Ngày nay gió lạnh rùng tâm can.
 Đây mơn mơn áng tóc,
 Đây duyên nợ trần-gian,
 Duyên trần-gian, nợ trần-gian,
 Mỗi sợi xanh xanh mới phôiếm đàn.
 Mỗi giây tóc uốn giây ràng-buộc;
 Mỗi áng xanh tuôn, suối lệ tràn.
 Duyên trần-gian,
 Nợ trần-gian;
 Nợ duyên trần-thế khéo đa-đoan!
 Giây đã cắt lia thôi chẳng vương.
 Nợ đành tuôn rũ chẳng cứu-mang.
 Này xanh xanh áng tóc,
 Này duyên nợ trần-gian.
 Từ ngôi vương-hậu, ngôi nư vũ,
 Đến cảnh tăng ni, cảnh tịch nhàn.
 Mười chín xuân xanh đành chịu lỡ
 Giấc mộng trần ai bỗng chốc tàn!
 Giấc mộng trần ai bỗng chốc tàn.
 Tơ duyên đành đã lỡ muôn vàn.
 Tiếng chuông sám hối tan lòng tục,
 Hồn lẻ bơ vơ gửi Nát bàn.
 Bơ-vơ tìm cỏi Nát-bàn,
 Tay lần chuỗi hạt, lên đàn giải mê
 Nhân-gian khuất nẻo đi về,
 Lòng ơi dừng lại, đừng nghe tiếng đờn
 NỮ-TỲ (trông thấy chiếc nhẫn rơi dưới đất)
 Ô kia chiếc nhẫn vàng rơi,
 Cảnh chùa sao lại có người.. vào đây?

CHIÊU-THÁNH

Trời ơi, ta ở đâu đây?
 Chính là chiếc nhẫn tự ngày năm xưa.
 Đây là duyên nghĩa ngày thơ,
 Nghĩa duyên như chuyện tình cờ nước mây.
 Làm sao nhẫn lại vào đây?
 Trời ơi gọi mối duyên này làm chi?
 Cổ tình đâu nữa, mà ghi,
 Mà lòng nào nữa... vút đi cho đành!
 Than ôi đã trót tu hành,
 Còn vương chút kỷ-niệm tình oan-khiên.
 (Chiêu-thánh thờ-ơ, vô tình đeo chiếc nhẫn
 vào tay)

MÀN HẠ

(Một tấm màn rất mỏng
 có thể trông thấy qua được)

Cảnh ba

Phía trong: Vẫn cảnh ấy với Chiêu-Thánh.
 Phía ngoài: Trần-Thái-Tôn ngự thuyền rồng
 trên sông, một thị-vệ; rồi Trần-
 Liễu với một chiếc đồ nhỏ.

TRẦN-THÁI-TÔN (dạo thuyền rồng trên sông,
 ở xa một con đồ nhỏ...)

Một chiếc thuyền rồng rẽ nước xanh,
 Hai bờ cây la triu sương trính;
 Một giòng sông vắng, dịu-hiếu gió,
 Mấy mảng bèo trôi, nổi rập-rình.
 Gió đặt hải êm trên khóm cây,
 Trời tô son thắm má hây-hây,
 Kia con đồ lạc tương tư bến
 Rẽ lớp bèo xanh, chảy tới đây,
 Cảnh sắc bình-minh thăm được hồng,
 Hồng châu tuôn rãi khắp non sông.
 Giờ này mới thực làm vua chúa:
 Vũ-trạ uy-nghiêm một điện rồng.
 Giờ này ta mới thực lên ngôi.
 Mới thực lên ngôi dưới mặt trời;
 Ngự chiếc ngai thuyền trên nước thăm.
 —Ồ, con đồ nhỏ tiến đâu rồi?
 Những mảnh trời trôi lướt cạnh thuyền.
 Giờ này có lẽ nước bình-yên,
 Bình-yên với cảnh thiên nhiên vắng:
 Ta nhớ hôm xưa ở cảnh chiều...

TRẦN LIỄU (Ghé đó, lên đến phía sau thuyền
 ngự).

Những mảnh trời trôi lướt cạnh thuyền;
 Từ xa, Người tưởng nước bình yên.
 Nhưng không, nước vẫn ngăm khơi sóng:
 — Có một hồn oan ở cảnh thiền.

(Còn nữa)

SỐ 6

TIÊU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

— **C**ON dại quá, thế sao con không nói ngay với nhà chùa từ hôm ấy, có phải các cụ đã hay tin rồi đỡ sốt ruột và con cũng đỡ phải nghĩ-ngợi không? Hôm nay gần tối rồi, về không kịp. Mai lại ngày tuần, nhà chùa bận. Thôi để ngày kia có người đưa con về, đến nhà vào trình với các cụ tử-tế. Vậy con cố nán ở lại đây đến ngày kia nhé

— Bầm vâng, con xin đợi đến ngày kia! Tắm lòng từ-bi đối với chúng sinh thật vô-biên vô-lượng. Phận hèn-mọn nên không biết lấy gì mà đền đáp được muôn một trong công-ơn như giới như bề ấy!

Lão ni nói:

— Con nên yên lòng, lọ là thâm tạ mới là tri ân. Cửa Phật rất rộng, cứu kẻ trầm-luân là công-việc của nhà Chùa. Con bất-tất phải quá nghĩ.

Cách hai hôm sau, một vị ni trẻ với một lão già thuê thuyền quen trong làng đưa Liên-Tường tiểu-thư về. Thuyền ghé bến nhà, nàng hơn-hở đưa hai người lên, nhẹ-nhàng vui-vẻ bước về trại họ Phan. Nhưng khi về đến cổng, nàng hết sức sùng-sốt vì thấy cổng đóng kín mít, ngoài có treo một biển gỗ quét vôi, trên đề hai giòng chữ: « *Bạn nghịch bất đạo, tài sản nhập công* » (1). Nàng đoán biết ngay được mọi việc đã xảy ra, song cố trấn tĩnh nhìn qua lũy tre, thấy ở trong cỏ cây xơ-xác, nhà cửa tan-hoang vắng ngắt, nàng bỗng oà lên khóc và nghẹn-ngào nói:

— Thôi nguy to rồi! Giới đất ôi! Cha mẹ ôi! Vì đâu đến thế này, cha mẹ ơi!

Rồi nàng ngã gục xuống.

Bà vải già và vị sư ni vội giữ lấy nàng, tìm lời an-ủi, và ân-cần bảo:

— Cô đừng quá vội lo nghĩ làm vậy, hồng cả việc, chúng tôi còn biết làm thế nào! Cô hãy bình-tâm lại để dò hỏi binh-tình xem sao, sự-thế thế nào đã, rồi liệu sau, chứ cô cứ khóc ngắt đi ở đây, thì còn ai biết đường nào mà « *giờ* »!

Liên-Tường nghe lời, cố-gượng dậy lau nước mắt, đi hỏi thăm tin-tức. Thấy một người đang tất-tả đi ở đầu làng, nhận ra là người quen, nàng vội chạy lại hỏi:

— Thím Chích ơi, thím Chính! Thím đợi, tôi hỏi cái này một tí...

Người đàn-bà quay lại, trông thấy Liên-Tường, vội cầm đầu chạy...

Liên-Tường ngờ-ngác không hiểu sao cũng cầm đầu đuổi theo, vừa chạy vừa gọi. Hai người nhà chùa cũng chạy theo và gọi giúp:

— Bà làm ơn đứng lại cho nhà chùa chúng tôi hỏi thăm một tí nào!

Nhưng người vẫn mãi miết chạy một mạch đến cổng làng.

Một người đàn ông ở trong làng đi ra thấy ba người chạy đuổi theo một người làng, tưởng là bọn đòi co cỏi cộ gì, liền hỏi rằng:

— Cái gì vậy, chị Chính?

Người kia hốt hoảng quay lại đằng sau, rồi lại cầm cổ chạy, không nói năng gì cả. Người đàn ông liền quát to lên rằng:

— Các người làm gì mà giữa ban ngày dám công nhiên đuổi đánh người thế!

Liên-Tường trông thấy người quen vội hồn hồn hỏi:

— Kia, ông Xã, chào ông, tôi đây mà. Tôi gọi thím ấy, thím ấy cứ

chạy.

Người đàn ông trở mặt nhìn, ngạc nhiên.

Hai người nhà chùa cũng vừa đến gần vừa thở vừa nói:

— A di đà phật! Chào ông ạ, nhà chùa chúng tôi đưa Liên-Tường tiểu-thư về đây, thấy nhà cửa niêm phong, nên vội đi tìm người để hỏi thăm.

Người đàn ông nhìn Liên-Tường từ đầu đến chân, rồi mới nói:

— Sao bảo tiểu thư chết rồi kia mà?

Liên-Tường càng lạ lùng hỏi:

— Sao thế, ông? Sự thế thế nào? Ông bảo ngay cho tôi rõ, tôi cần biết lắm. Tôi có chết đâu kia chứ!

Người kia chép miệng một cái rồi thông thả đáp:

— Thế mà ai cũng tưởng cô chết cháy rồi! Sau khi nhà bị cướp, cụ lớn tìm mãi không thấy cô, cho người bới đồng than ở cái nhà chúng đốt, thấy có xương người khen khét. Mọi người đều tin là cô đã bị chết. Cụ lớn liền cho nhặt các xương vụn, khám-liệm tử-tế, táng ở bên hồ Bán-nguyệt, rồi lập đàn siêu-độ đúng bảy ngày...

Giữa lúc ấy, những người trong làng thấy chị Chính hoảng hốt đem tin về, đều chạy ò cả ra xem hư thực thế nào. Họ trông thấy Liên-Tường đương nói chuyện với ông Xã đều vội tiến sát lại gần, vây chung quanh, và hỏi vội:

— Kia, tiểu-thư! Tiểu-thư còn sống?

Ông Xã gạt mọi người:

— Đề im tôi kể nốt cho tiểu-thư rõ chuyện đã nào!

Rồi ông nói tiếp:

— ... Vừa xong việc ma chay, thì có quan quân về bắt cụ lớn giải về kinh về tội bạn-nghịch Triều-đình. Cửa-củi, điền, địa đều bị tịch thu cả...

Liên-Tường nghe đến đây, vội òa lên khóc:

— Ới giới ơi, thật tôi làm hại cha tôi!

Rồi nàng ngã lăn xuống đất, ngắt lịm đi. Nhà sư vội bế lấy và lay đầu gọi mãi. Mọi người đứng quanh

đều bùi-ngùi ái-ngại. Hồi lâu, Liên-tường mới hơi tỉnh lại và vội hỏi :

— Thế mẹ tôi và em nuôi tôi bây giờ đâu ?

Mọi người hỏi nhau :

— Có ai biết cụ lớn bà bây giờ ở đâu không nhỉ ?

Không người nào biết cả. Ông Xà lúc này nói tiếp :

— Không biết bây giờ cụ đi đâu. Để cho người tìm chú cụ Bất ở với cụ trước, xem có biết không !

Nhà sư nói :

— Vâng, cụ làm ơn cho người hỏi giúp tiền-thư xem...

Lúc ấy, thím Chinh mới hoàn hồn chạy ra đến nơi hỏi :

— Chết chữa, tiền thư ! tiền thư làm tôi mất hồn mất vía, chạy bán sống bán chết !

Bà vãi lúc ấy mới mở miệng :

— Gớm cái nhà bà này mới dát chữ, càng gọi, càng lậy van bà ấy, bà ấy càng chạy.

Rồi mỗi người một câu góp vào trò truyện thành ra ồn ào huyên náo và vui vẻ nữa, giữa nỗi buồn tan nát của cảnh sinh ly ở trong lòng người con gái ngây thơ yếu đuối !

Ở nán lại một lúc, không hỏi thêm được điều gì nữa, nhà sư và bà vãi chào biệt dân làng, rồi vực Liên-Tường tiền-thư ra thuyền, lại trở về chùa.

Nàng ốm liên miên, mê man luôn mấy ngày liền, nhà chùa hết sức chăm nom thang thuốc. Vị lão ni ngồi luôn bên cạnh nàng, trông coi và sai bảo các vãi, tiểu hầu hạ. Lúc nàng tỉnh lại lão ni ngọt ngào khuyên giải và tụng kinh quan-âm và kinh Dược sư cho nàng nghe. Lúc nàng mê, thì người lại lâm râm tụng niệm cầu cho nàng chóng qua khỏi. Mấy ngày sau, nàng khỏi hẳn, nhà chùa cố ý giấu chuyện trước đi, không nhắc gì đến, nhưng nàng không thể cầm lòng được, xin với lão ni cho nàng lên Kinh-kỳ tìm đường dâng sớ minh oan cho cha. Lão ni có ý muốn lưu lại ít lâu cho nàng khỏe mạnh hẳn, bớt sự cảm xúc trong lòng. Nhưng nàng năn-nỉ mãi :

— Sư-mẫu giàu lòng từ độ, thương son đủ mọi đường. Nhưng cha con

chỉ có mỗi mình con, mà lúc này thân già gặp nạn nếu con không trông gương nàng Đề-Oanh, nghĩ cách báo ngay sớ cha con không toàn tính mệnh thì con sao khỏi tử thẹn với cô-nhân. Xin sư-mẫu để cho con đi.

Lão-ni buồn-rầu đáp :

— Lòng con đã quyết, ta không dám giữ. Nhưng ta chỉ e con còn trẻ người non dạ, lại vừa mới ốm khỏi, thân gái dặm trường, tránh sao khỏi những sự bất trắc.

Liên-Tường đáp :

— Bạch sư-mẫu, lòng con đã quyết một mực minh oan, thì dù nguy-hiểm trắc-trở đến đâu, con cũng nguyện vượt hết để làm được việc.

— Ừ thì ta để con đi. Nhưng con mới lên kê-chợ, còn lạ non lạ nước, e có nhiều nỗi không tiện chẳng. Vậy để ta viết giấy cho Sư Cụ chùa Diên-Khánh (2) cho con ở tạm đấy và may ra nhà chùa trên ấy có giúp thêm cho con được việc gì nữa thì càng hay.

— Lạy sư-mẫu, sư-mẫu nghĩ cho con chu-đáo quá. Kiếp sống thừa này không biết có làm nên công-trạng gì để khỏi uổng phí công ơn giới bề của cửa Từ-bí !

— Con cứ yên tâm. Lòng hiếu của con đã thấu đến Giới, Phật. Giới, Phật lúc nào cũng phù-hộ che-chở cho con chóng được toại ý, lúc ấy ta lại gặp nhau, ngại gì.

Tiếng chuông chùa bỗng vang dậy ngân-ngã như tỏa phép nhiệm-mầu đem sự yên-ủi phần-khởi vào lòng mọi người. Mọi người trong chùa lúc ấy đều chấp tay lâm-râm niệm :

— Nam mô A-Di-Đà Phật. Cứu khổ, cứu nạn Quan thế-âm Bồ-tát.

PHẦN THỨ HAI

I

Liên-Tường tiền thư đến chùa Diên-khánh vào một chiều thu hiu hắt may ! Trên trời âm đạm như một ngày tang. Những mây lơ lửng cứ nghìn nghịt đuổi nhau liên tiếp luôn luôn không ngớt để chạy tít về phương trời xa lắc... Cảnh trời

đất như cũng se lại với tâm trạng cô thiếu nữ !

Qua một con đường đất nhỏ ngoằn-ngèo, đầy ngập những lá tre xanh vàng lẫn lộn, rẽ quặt sang phía tây mấy bước là vào đến chùa.

Đi dưới cái cổng gạch mốc meo rêu phủ, trong lũy tre già rậm rạp, nàng có cảm tưởng như đi vào một thế giới khác, tuy phong vị nhà chùa nàng đã nếm qua. Một sự yên tĩnh nghiêm trang như đè nặng xuống lòng người. Nàng rụt rè, bỡ ngỡ, đặt những bước chân ngập ngừng trên sân chùa rộng.

Nàng đến đã hơi lâu, ngóng đợi, mà trong chùa vẫn vắng ngắt không một bóng người. Nàng mạnh bạo bước lại gần hè nhà tổ khom lưng ghé mắt nhìn qua kẽ « giải » vào trai phòng. Ở trong có tiếng nói ra :

— A-di-đà-phật ! xin mời đồng đạo quá bộ lại phòng khách ở hiên Tây.

Liên-Tường kính thưa :

— A-di-đà-phật ! Lạy Phật ! lạy tổ ! Bạch sư, tiện tin chữa thể-phát, không dám lạm nhận là đồng đạo ! Bạch-sư, tiện tin có chút việc muốn xin vào căn bạch trước cửa thiền.

— A-di-đà-phật ! Vậy mời du-khách lại hiên đông, có lối lên tam-bảo hành hương.

— Bạch sư, tiện-tin ở chùa Liên-hoa bên Khoái-châu, có thư của lão ni gửi đệ lên sư-đồ.

Một vị sư ông ở trai phòng bước ra nói :

— Vậy phiền du khách giao thư cho bản-tăng vào trình cụ.

Liên-Tường lấy thư ra hai tay kính cẩn đưa cho vị sư và nói :

— Tiện-tin xin bái tạ tấm lòng từ độ của cao-tăng.

— A-Di-đà-phật.

CHU-THIÊN
Còn nữa

(1) Phản-nghịch không đạo ; của cải bị sung công.

(2) Chùa Diên-Khánh là chùa Diên-Hựu ở phía tây kinh-thành, tức là chùa Một cột, nay thuộc vào địa-phận làng Ngọc-hà, phía nam vườn Bách-thảo.

Một đoạn dã-sử

TRỢI ĐỂ

Ta thường thấy nói trợ trâu, trợ gà hoặc trợ chim chừ, không nghe nói trợ để công-khai bao giờ, thế mà lối chơi này ở nước ta có đã lâu. Thời-kỳ thịnh nhất vào đời vua Lê Hy-Tông, niên-hiệu Chính-hòa (1680-1705), không những ở chốn dân-gian mà ngay đến trong Nội cũng hay chơi trợ để. Nhà vua đã xuống chỉ bắt mỗi tổng phải nuôi một con để đem dâng. Tổng nào có để hay thì viên cai-tổng được thưởng hàm tri-huyện và tổng ấy được miễn xua thuế cả năm. Bởi

thế, thời bấy giờ con để rất có giá trị, nên mới có câu chuyện người cai tổng quyền-sinh vì con để, và... có lẽ, sau cái chết để mình oan của thầy cai kia, nhà vua đã bãi các cuộc trợ để, cho đến ngày nay lối chơi này chỉ còn thích-hợp với đám con trẻ.

..

Nhà Lê, niên hiệu Chính-hòa,
Bốn phương phẳng-lặng, âu-ca
thái-bình.

Thôn-quê cho chi thị-thành,
Lối chơi trợ để thường tình biết
bao!

Lệnh vua: bắt cứ tổng nào
Cũng nuôi «để trợ» tiến vào
trong cung.

Để hay, thăng thưởng đến
công,
Lại tha xua thuế suốt vùng cả
năm.

..

Bấy giờ ở phủ Thuận-thành,
(1)

Thầy cai Đại-mão hiền-lành
xưa nay,

Tướng là vận đồ, hồi may,
Được con để quý đợi ngày tiến
kinh.

Lòng son nhốt để cạnh mình,
Hằng ngày 'chăm-chút thực tình
dám sai.

Nào ngờ thần ám họa lai,
Đưa con đánh để chết quay tức-
thời!

Sợ đòn, trốn bắt tằm-hơi,
Làm cho thầy tổng rối bởi ruột
gan:

«Việc này lỡ đến tai quan,
«Khi quán» khép tội, an-toàn
được nao!»

Một mình than-vãn hồi lâu,
Liền ra chỗ vắng, phía sau đình
làng:

Treo đầu lên chiếc cành bàng,
Mượn giấy oan-nghiệt quyết
đàng quyền-sinh.

Nghĩ người cai tổng thương
tình,

Vì con để mọn thân mình xem
khinh!

VÂN-THẠCH

(1) Thuộc tỉnh Bắc-ninh

TẬP TRỞ

Một cách lừa người khôn khéo

TRÊN các tờ báo Pháp, các bạn thường thấy có đăng những cuộc đố chữ có giải lớn.

Người ta đăng một câu tục-ngữ rồi bỏ bớt đi một vài chữ. Nếu ai đoán trúng sẽ được thưởng một chiếc kèn hát và một chiếc xe đạp!

Thật dễ-dàng, các bạn hay tôi chẳng cần nghĩ - nghĩ cũng tìm thấy những chữ thiếu và còn ngần ngại gì mà không gửi thư dự thí. Nhưng hải khoan vì đó chẳng là một món hời lớn.

Vì nếu bạn đoán trúng lẽ dĩ-nhiên bạn được lĩnh thưởng, nhưng muốn được kèn hát thì bạn phải mua 17 đĩa hát giá có 17 quan một đĩa thôi! Còn xe đạp thì phải mua trước ngân-phiếu 13 quan gửi tới. Kề ra thì cũng rẻ chán nhưng vài ngày sau bạn chỉ nhận được một chiếc bút máy con kiểu Nhật với một bức thư có lời dặn «nếu bạn bán được 500 bút máy như kiểu gửi đây sẽ được biếu một chiếc xe đạp».

Đó những cuộc đố chữ thường thấy trên các báo chí là những mảnh-khéo người ta nghĩ ra để lừa những người nhẹ dạ.

(Jean de Cordesthioux;
Les neveux de Mercure)
Mạnh-Phan dịch

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bản : chữ Hán, quốc - âm, quốc-văn	0.25
Di-Đà, Hồng-danh, Va-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0.40
Sự tích Phật A-Di-Đà	0.20
Phật Pháp vô lượng	0.20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1.00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0.90
Triết-lý nhà Phật	1.00
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Na-Tiên Tỳ-kheo-kinh (cuộc luân đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0.80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5.50
Gởi mandat, phụ thêm 10% cước phí.	

Địa chỉ: Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CÔN
143 rue de Louvain Saigon

Ô - tô, nhà' lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng
của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ để đạt cái mộng
tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1\$00 một vé

Nhà thuốc tương đối

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỜI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-Hưng-Tường 437 Ngã-tứ Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Linh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Linh 120 Georges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiền 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiên-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vũ-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N° 62 PhnomPenh.

THOẢI-NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoải-Nhiệt-Tân hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi dứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chọn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ / Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rút nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.